

VIỆN T.P.CẦN THƠ

Pg (2) 421

L 302

LỊCH SỬ

LỚP
PHỔ THÔNG **6**



Nhà xuất bản Giáo dục

1977



L: 302

LỊCH SỬ

thuongmaitruongxua.vn

LỚP SÁU
PHỔ THÔNG
Hệ 12 năm
(In lại lần thứ ba)

15151



1966



M 1754/88



Nhà xuất bản Giáo dục

*1977

LỊCH SỬ VIỆT NAM
(TỪ ĐẦU ĐẾN THẾ KỶ X)

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

BÀI 1

VÀI ĐIỀU SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ

**1. Môn lịch sử giúp ta
hiểu biết những gì?**

Loài người từ khi sinh ra đến nay đã trải qua những sự biến đổi không ngừng.

Thuở xưa, cách đây hàng triệu năm, loài người đã xuất hiện ở trên trái đất của chúng ta. Lúc đó chưa có nhà cửa, cũng chưa có ruộng vườn, làng mạc như ngày nay. Đời sống của con người còn rất thấp. Họ sống thành bầy, lang thang tìm kiếm thức ăn. Đêm tối, mưa nắng hay khi mệt mỏi đau yếu thì trú dưới lùm cây hoặc trong hang đá. Họ chỉ biết dùng cành cây vót nhọn, hòn đá mài để rất thô sơ để săn bắt thú vật và hái lượm hoa quả, rễ củ để sống.

Trải qua lao động cần cù và gian khổ, con người không ngừng cải tiến công cụ lao động. Từ đồ đá, con người dần dần biết dùng đồ đồng, đồ sắt. Công cụ lao động ngày càng được cải tiến thì đời sống của con người cũng biến đổi không ngừng. Trong cuộc sống, còn giai

cấp bóc lột thì người lao động còn phải đấu tranh chống lại những kẻ áp bức bóc lột. Họ cũng phải đấu tranh chống lại bọn xâm lược để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ thành quả lao động của mình. Qua môn lịch sử ở lớp 4 và lớp 5 chúng ta đã được biết những mẩu chuyện về các anh hùng chiến sĩ vẻ vang và những chiến công chống ngoại xâm rực rỡ của nhân dân ta như chuyện Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, chuyện Quang Trung đại phá quân Thanh...

Môn lịch sử ở cấp II sẽ giúp chúng ta hiểu biết cụ thể hơn những sự việc, những con người đã góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước ta, dân tộc ta từ xưa đến nay. Nó cũng sẽ giúp chúng ta hiểu đúng đắn nguyên nhân và kết quả của từng sự kiện cũng như những mối quan hệ giữa các sự kiện đó. Nó cho ta những bài học kinh nghiệm của thời trước, giúp ta hiểu thời nay tốt hơn và chỉ cho ta thấy con đường đi tới tương lai tươi sáng của loài người.

2. Dựa vào đâu mà biết được những việc đã qua?

Làm thế nào mà biết được cuộc sống lao động và đấu tranh của những người đã khuất cách đây hàng nghìn,

hàng vạn và hàng triệu năm?

• Người xưa thường đặt ra những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết về nguồn gốc loài người, nguồn gốc các dân tộc, về những người khổng lồ đào sông, xây núi, san đồng... Những câu chuyện đó không phải là sự

thực lịch sử nhưng cho ta biết cảm nghĩ của người xưa và bóng dáng của lịch sử.

Những người thời xưa, ngay cả ở những thời xa xôi nhất vẫn còn để lại ít nhiều *di vật* ở những nơi họ đã sinh sống. Di vật có khi được chôn vùi theo người chết. Đó là những công cụ lao động, những đồ dùng hàng ngày như dao, rìu, búa bằng đá, bằng xương thú vật, bằng đồng, v.v... Nghiên cứu các di vật ấy người ta có thể hiểu biết được đời sống của những người đã làm ra và sử dụng những đồ vật ấy.

Ngoài những di vật còn có những dấu vết nhà cửa, mộ táng, đền đài, thành quách, tượng, tranh, v.v... của người xưa để lại. Đó là những *di tích lịch sử*. Khoa học nghiên cứu về lịch sử loài người dựa vào những di vật và di tích ấy gọi là *khảo cổ học*.

Ban đầu, trong một thời gian dài hàng chục vạn năm, con người chỉ giao thiệp với nhau bằng tiếng nói. Họ chưa có chữ viết, chưa có sách vở để ghi lại những việc đã xảy ra, những kinh nghiệm trong cuộc sống. Dần dần từ những dấu hiệu đơn giản, hoặc những nét vẽ bắt chước hình dạng của sự vật, người ta đã sáng tạo ra *chữ viết*. Bằng các thứ chữ đó, người ta ghi lại những sự việc đã xảy ra trên vỏ cây, lá cây, thanh tre, da thú, vải lụa. Về sau người ta mới biết làm giấy và biết khắc chữ, in sách.

Những di vật, di tích lịch sử và những tài liệu viết tay hay in đó là những bằng chứng cụ thể và xác thực giúp ta hiểu biết được rõ ràng, đúng đắn những sự việc đã xảy ra trong lịch sử từ xưa tới nay.

CÂU HỎI

1. Môn lịch sử giúp ta hiểu biết những gì?
2. Làm thế nào mà biết được những việc đã qua trong lịch sử? Khảo cổ học là gì? Ở địa phương em có những di tích lịch sử nào? Tại sao em phải quý trọng và bảo vệ những di tích lịch sử?

BÀI 2

CÁCH TÍNH NIÊN ĐẠI TRONG LỊCH SỬ

1. Người thời xưa tính thời gian như thế nào?

Để sinh sống, người xưa cần tìm hiểu thiên nhiên. «Trông trời, trông đất, trông mây...». Hết tối rồi lại sáng. Đêm đêm

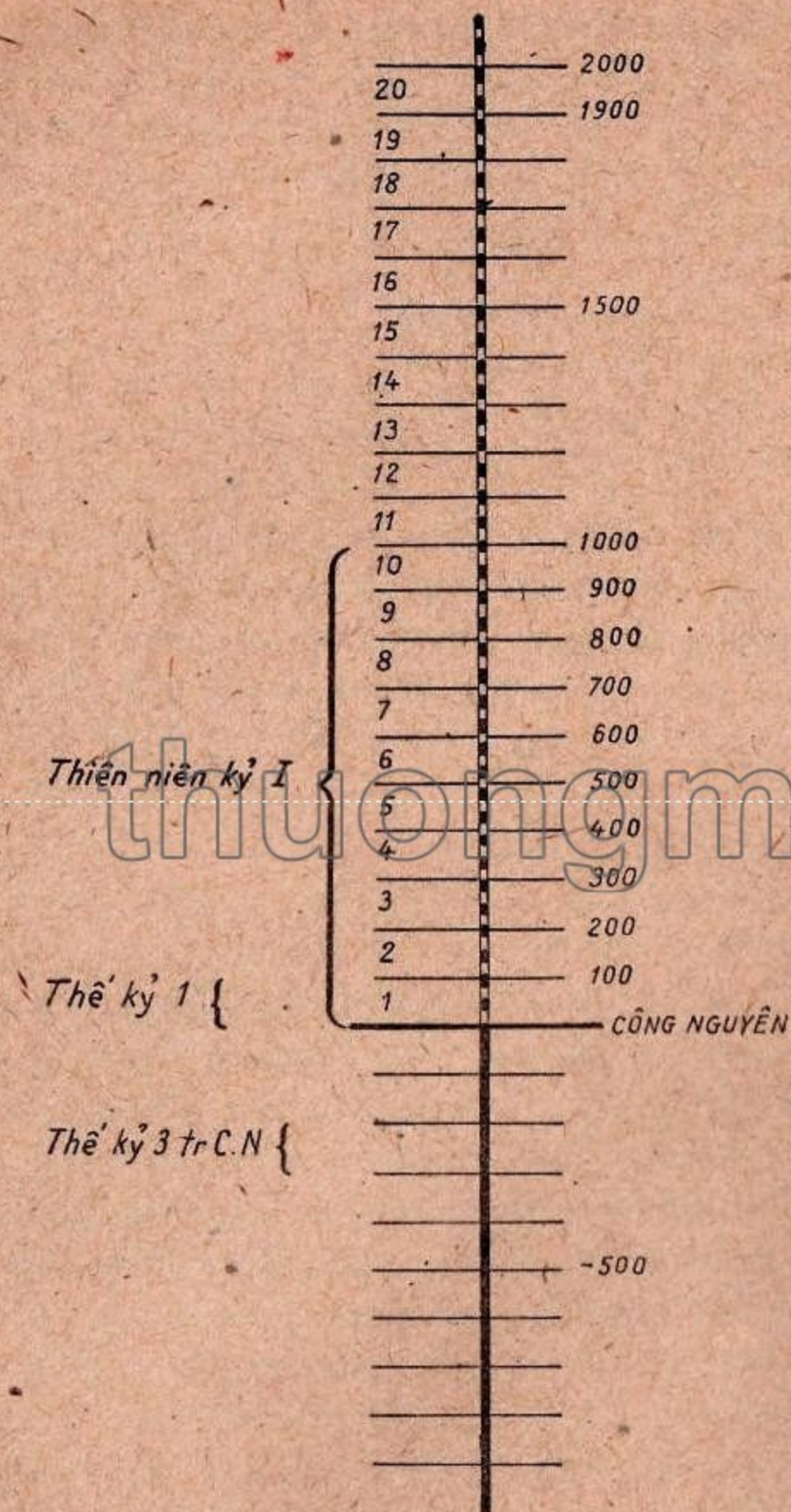
nhìn sao Hôm rồi sao Mai. Trăng khuyết, trăng lại tròn... Ban ngày mặt trời mọc đằng đông rồi lặn ở đằng tây. Hết xuân sang hè, thu qua đông tới. Dần dà con người có ý niệm và có hiểu biết về thời gian. Ban đầu khi chưa có lịch, trong sản xuất nông nghiệp người thời xưa tính thời gian theo sự thay đổi của mùa màng và thời vụ sản xuất. Từ vụ gieo trồng cây hái lần trước đến vụ gieo trồng cây hái lần sau, từ mùa xuân này đến mùa xuân sau, cách nhau một khoảng thời gian nhất định, bằng nhau. Người ta tính khoảng thời gian đó là một năm. Về sau khi đã có chữ viết, để ghi chép cụ thể các sự việc xảy ra, người ta lại phải chia khoảng thời gian đó ra làm nhiều tháng, ngày. Thuở đó chưa có lịch chung, mỗi nơi tính thời gian mỗi khác. Người phương Đông

xưa phần nhiều căn cứ vào sự tuần hoàn của mặt trăng mà tính năm, tháng, ngày. Đó là âm lịch. Về sau người phương Tây lại lấy thời gian trái đất xoay quanh mặt trời được một vòng làm một năm, rồi lại chia ra tháng, ngày. Đó là dương lịch.

2. Cách tính niên đại theo Công nguyên

Sự việc lịch sử diễn ra theo trật tự thời gian trước sau, cái nọ nối tiếp cái kia. Việc ghi chép lịch

sử cũng phải theo trật tự thời gian đó, phải xác định ngày, tháng, năm của những sự việc đã xảy ra. Để tính năm, cần phải lấy một năm nào đó làm mốc. Trước kia cách định năm mốc cũng không thống nhất, mỗi nơi lấy một năm khác nhau, rất không tiện trong việc đối chiếu các sự việc. Về sau người theo đạo Thiên chúa lấy năm mà họ cho là có chúa Giê-su ra đời làm mốc. Họ gọi năm đó là năm thứ nhất của kỷ nguyên mới hay Công nguyên và cứ thế mà tiếp tục tính các năm sau. Ngày nay vì tiện lợi chung, các nước đều thống nhất dùng dương lịch và theo Công nguyên. Tuy nhiều dân tộc, nhiều tầng lớp, nhiều người trên thế giới không tin vào chúa Giê-su nhưng cũng dùng cách tính này, chẳng qua để cho tiện lợi, cũng như ta dùng ký hiệu toán học mà thôi. Như khi chúng ta nói: Nước Việt nam dân chủ cộng hòa thành lập năm 1945 thì các nước ở châu Âu, châu Mỹ... đều biết rằng sự việc đó xảy ra vào thời gian nào. Người ta còn chia thời gian thành từng khoảng 100 năm gọi là thế kỷ, 1000 năm gọi là thiên niên kỷ. Hiện nay chúng ta đang ở thế kỷ XX của Công nguyên.



Từ năm đầu Công nguyên đến ngày nay tính ra gần 2 thiên niên kỷ hay là hơn 19 thế kỷ rưỡi:

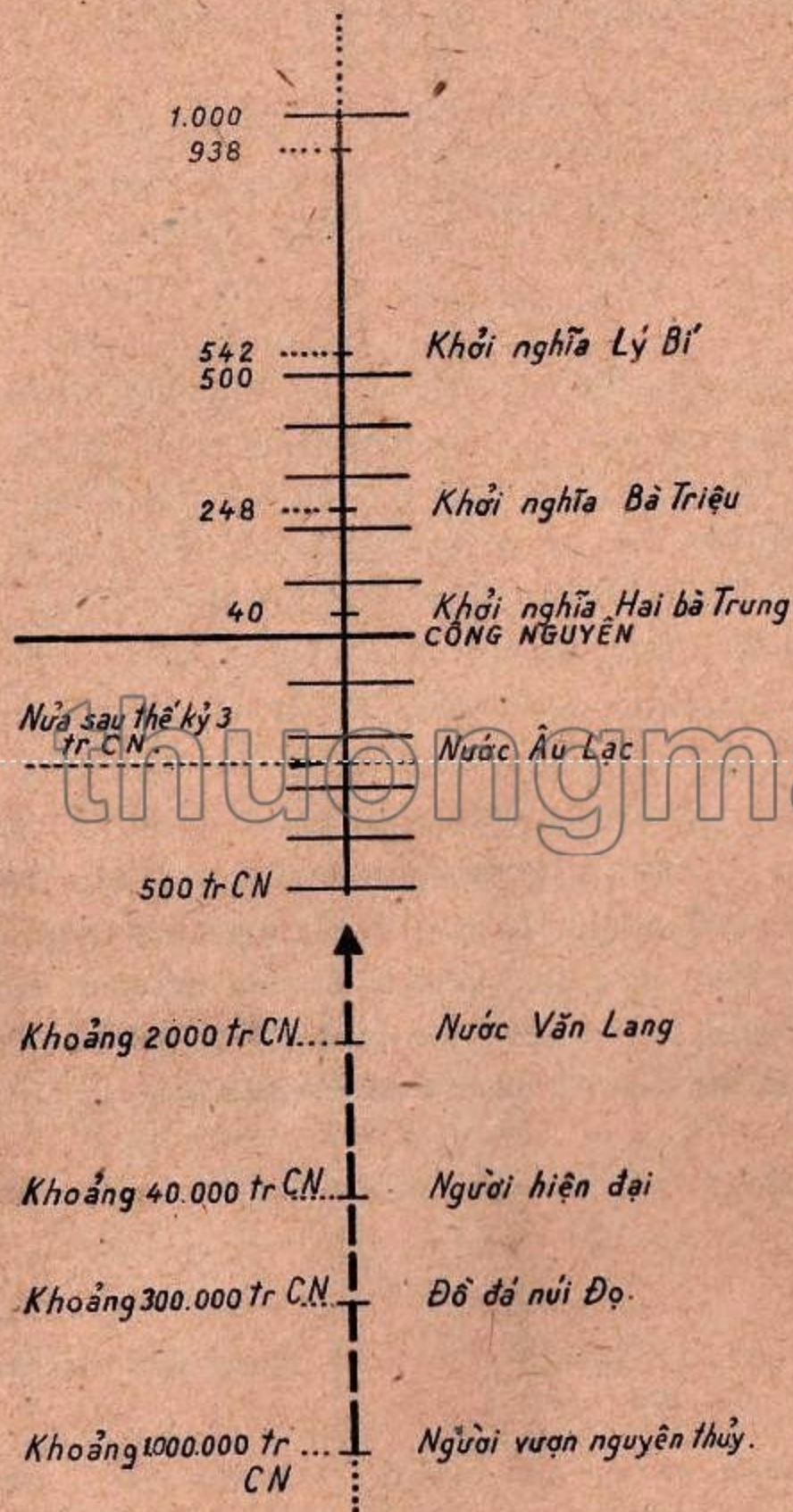
3. Tính niên đại trước Công nguyên như thế nào ?

Nhiều sự việc đã xảy ra trong thời gian trước Công nguyên. Thời gian từ Công nguyên trở về trước gọi là *trước Công nguyên* (và viết tắt là tr. C. N.). Năm liền trước năm đầu Công nguyên gọi là năm thứ nhất trước Công nguyên và cứ thế mà tính ngược lên mãi. Càng cách xa Công nguyên thì con số đó càng lớn. Như nói : nước Âu lạc bị Triệu Đà xâm lược năm 179 trước Công nguyên (viết tắt là 179 tr. C. N.) và Âu lạc lọt vào tay nhà Hán năm 111 trước Công nguyên (111 tr. C. N.) thì có nghĩa là sự việc Triệu Đà xâm lược Âu lạc xảy ra trước sự việc Âu lạc lọt vào tay nhà Hán. Muốn tính thời gian một sự việc lịch sử xảy ra trước Công nguyên cách chúng ta ngày nay bao nhiêu lâu thì phải cộng thời gian trước Công nguyên với thời gian của Công nguyên. Như khi nói Âu lạc bị lọt vào tay nhà Hán vào năm 111 tr. C. N. thì tức là sự việc đó xảy ra cách ngày nay :

$$111 + 1977 = 2088 \text{ năm}$$

CÂU HỎI

1. Tại sao cần phải tính thời gian ? Người thời xưa tính thời gian như thế nào ?
2. Các nước trên thế giới ngày nay tính năm, tháng, ngày thông nhất như thế nào ? Tại sao lại dùng cách tính đó ?



3. Thử tính từ khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) đến nay được bao nhiêu năm, bao nhiêu thế kỷ? Khởi nghĩa Hai Bà Trưng xảy ra trước hay sau việc Triệu Đà xâm lược nước Âu lạc (năm 179 tr. C.N.)? Chiến thắng Bạch đằng của Ngô Quyền (năm 938) ở vào thế kỷ mấy? thiên niên kỷ mấy, cách việc Triệu Đà xâm lược nước Âu lạc bao nhiêu năm, cách chúng ta ngày nay bao nhiêu thế kỷ?

BÀI 3

ĐẤT NƯỚC VÀ NHÂN DÂN VIỆT NAM

« Nước ta : ở về xứ nóng, khí hậu tốt,
Rừng vàng, biển bạc, đất phì nhiêu.
Nhân dân dũng cảm và cần kiệm
Các nước anh em giúp đỡ nhiều ».

HỒ CHÍ MINH

Lời Bác Hồ trên đây đã thu tóm được tất cả những điều cần nói về đất nước và nhân dân Việt nam anh hùng.

1. Đất nước ta vô cùng giàu đẹp

Đất nước ta nổi liền thành một dải từ cao nguyên Đồng văn (Hà giang) ở cực bắc cho đến

mũi Cà mau ở cực nam. Rừng núi Việt nam có nhiều gỗ quý. Lòng đất nước ta ẩn ủ biết bao nhiêu quặng mỏ : than, sắt, thiếc, kẽm, chì, đồng... Biển Đông có nhiều loại cá, tôm, trai ngọc, đồi mồi. Đồng bằng hai miền Nam, Bắc rất phì nhiêu, bốn mùa lúa, khoai, đỗ, bắp... xanh tốt và những cây trù quả : chuối,

cam, nhãn, vải, sầu riêng, dừa, ... Ven biển nước ta có nhiều cảng tốt : Cửa Ông, Hải phòng, Đà Nẵng, Cam ranh ... Nhưng thiên nhiên Việt nam cũng có những mặt không thuận lợi. Lượng mưa thất thường từ năm này qua năm khác khiến có năm bị hạn hán, có năm lại xảy ra lụt lội. Đất nước ta có nhiều cảnh đẹp như vịnh Hạ long, sông Hương núi Ngự, những nơi nghỉ mát tuyệt vời như Sa pà, Tam đảo, Đà Lạt, những nơi tắm biển thích thú như Đồ sơn, Sầm sơn, Nha trang ... Những mái chùa cổ kính ở miền Bắc cũng như những tháp Chăm mỹ lệ ở miền Nam điểm tô thêm cảnh đẹp của đất nước và gọi lên truyền thống văn hóa lâu đời của các dân tộc trên đất nước ta. Đất nước giàu có tươi đẹp này từ ngàn xưa và mãi mãi về sau, là của chúng ta.

2. Nhân dân ta dũng cảm và cần kiệm

Tổ quốc Việt nam là một khối thống nhất do ông cha ta từ đời này qua đời khác xây dựng nên.

Lao động của con người đã làm biến đổi thiên nhiên và sáng tạo nên đất nước tươi đẹp này. Trải bao phen bọn xâm lược nước ngoài giày xéo đất nước ta, định xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới, nhưng nhân dân ta đã không tiếc máu xương, dũng cảm đấu tranh chống bọn cướp nước và bán nước, giành lại và giữ vững nền độc lập dân tộc.

Trên núi Nghĩa, dưới mái đền Hùng, trong buổi gặp gỡ các chiến sĩ quân đội nhân dân chuẩn bị tiến về giải phóng thủ đô sau chiến thắng Điện biên phủ vang dậy núi sông, Hồ Chủ tịch có nói :

« Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước. Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v ... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng ».

Hiện nay, nhân dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc đang quyết tâm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thống nhất.

Trải mấy nghìn năm lao động và đấu tranh, nhân dân ta đã phát triển nền sản xuất, sáng tạo ra một nền văn hóa dân tộc rực rỡ, xây dựng được một nước độc lập, có tiếng tăm trên thế giới.

3. Việt nam : gia đình lớn của nhiều dân tộc

Trên hai miền Nam, Bắc nước ta hiện nay có chừng 60 dân tộc đang sinh sống. Dân tộc Việt

(Kinh) chiếm số đông hơn cả (hơn 35 triệu trong số gần 50 triệu dân cả nước), có trình độ phát triển kinh tế, văn hóa cao hơn các dân tộc anh em khác và là trung tâm đoàn kết các dân tộc ở Việt nam. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở miền núi, rải rác trên 2 phần 3 diện tích cả nước⁽¹⁾. Mỗi dân tộc đều có những sắc thái văn hóa riêng nhưng giữa các dân tộc cũng có nhiều đặc điểm

(1) Miền Bắc có các dân tộc : Tày, Mường, Thái, Nùng, Mèo, Dao, Kháng, Lô lô, U-ní, Vân kiều, v.v... Miền Nam có các dân tộc Ê-đê, Gia-rai, Xơ-đăng, Ba-na, Mơ-nông, Mạ... ở Tây nguyên, dân tộc Chăm ở nam Trung bộ và Nam bộ, v.v...

văn hóa chung. Truyền thuyết của các dân tộc như chuyện *Quả bầu mẹ* của người Kháng, chuyện *Trăm trứng nở trăm con* của người Việt đều nói lên nguồn gốc chung của nhiều dân tộc trên đất nước ta. Thần thoại kể rằng mẹ Âu (Âu Cơ) và bờ Lạc (Lạc Long Quân) là những người khai sáng lịch sử dân tộc. Mẹ và bờ đẻ ra trăm trứng trong cùng một bọc, nở thành trăm chàng trai xinh đẹp. Mẹ và bờ lại chia đều con đi ở miền núi và miền biển. Đó là câu chuyện hoang đường song lại mang một ý nghĩa lịch sử to lớn : dù là dân miền núi hay dân miền xuôi, các dân tộc ở Việt nam đều có chung nguồn gốc. Lịch sử cũng chứng minh rằng : tất cả các dân tộc dù lớn dù nhỏ, bằng mồ hôi và xương máu của mình đã cùng nhau xây đắp nên *Tổ quốc Việt nam*. Trong những cuộc kháng chiến chống xâm lược trước đây, các dân tộc đều góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cứu nước chung.

Ngày nay, quyền bình đẳng các dân tộc được pháp luật thừa nhận và được thực hiện. Tinh hoa văn hóa của các dân tộc được bảo tồn và phát triển : chữ viết cho các dân tộc Tày, Nùng, Mèo được xây dựng, chữ Thái được cải tiến một bước. Nền kinh tế miền núi được nhà nước hết sức giúp đỡ cho nên ngày càng phát triển và đang phát huy sức mạnh của mình góp phần xây dựng nền kinh tế chung của cả nước.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam đã trở thành đại gia đình các dân tộc trong tổ quốc Việt nam thống nhất.

GÂU HỎI

1. Vì sao nhân dân ta thường nói : Đất nước ta có « rừng vàng biển bạc » ?
2. Những đức tính quý báu nhất của nhân dân ta là gì ?
3. Bằng những dẫn chứng cụ thể, em hãy nêu phần đóng góp của các dân tộc trên đất nước ta vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nước nhà.

CHƯƠNG THỨ NHẤT
BÌNH MINH CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM

BÀI 4

VIỆT NAM THỜI THƠ ẤU

1. Từ vượn người
đến người nguyên
thủy⁽¹⁾

Thuở xưa, cách đây
vài chục vạn năm, mực
nước biển Đông thấp hơn
nhiều so với mực nước
biển ngày nay. Đất nước

Việt nam ta nối liền với các đảo Ja-va, Xu-ma-tơ-ra,
Ka-li-măng-tan của đất nước In-đô-nê-xi-a qua bán
đảo Mã lai. Xen kẽ vào những thời kỳ khô hạn là những
thời kỳ mưa nhiều, khiến khí hậu ẩm và mát hơn bây giờ
một chút. Trong rừng rậm, trên thảo nguyên, có từng
đàn voi, tê ngừu, gấu mèo, trâu bò rừng, hươu nai, heo
rừng, những bầy khỉ, vượn khổng lồ, đười ươi và nhiều
loài thú vật khác sinh sống. Có một giống vượn đặc biệt
phát triển, gọi là vượn người. Giống vượn này không

(1) Ngoài Việt nam, người ta đã tìm thấy dấu vết của người
vượn ở Ja-va (In-đô-nê-xi-a), Bắc kinh (Trung quốc)...

đi bằng hai tay và hai chân như những con vượn hiện
nay mà đi bằng hai chân, người thẳng đứng. Với đôi
tay được giải phóng những con vượn này có thể cầm
những hòn đá sắc hoặc những cành cây nhọn để bóc
vỏ những thứ quả rắn, hoặc bới rễ, bới củ mà ăn. Trải
qua hàng chục vạn năm sử dụng những hòn đá, những
cành cây như vậy, cuối cùng giống vượn này đã biết làm
cho những hòn đá thường thành những hòn đá có cạnh
sắc, tức là bắt đầu biết chế tạo công cụ lao động. Với
những công cụ đó, giống vượn này có thể kiếm được
thức ăn nhiều hơn. Thế là do lao động và với việc chế
tạo ra công cụ lao động, vượn đã chuyển thành người.
Đó là người nguyên thủy.

2. Dấu vết xưa nhất
của người nguyên thủy
trên đất Việt nam

Các nhà khoa học đã
tìm thấy di tích của những
loài cầm thú sống cách đây
hàng chục vạn năm trở lên
trong các hang núi ở miền

Bắc. Trong một số hang, người ta đã tìm được những
mảnh xương sọ, xương thái dương và răng hàm người.
Theo một số nhà khoa học thì đó là xương và răng của
người nguyên thủy. Ở hang Thẩm khuyển huyện Bình
gia, tỉnh Cao lạng, chúng ta đã tìm thấy một số răng
người vượn nguyên thủy. Chúng ta cũng đã tìm thấy
trên sườn núi Đọ (Thanh hóa) và ở Hang gòn (trên
đường Xuân lộc – Biên hòa) hàng ngàn công cụ đá chắc
chắn là của bầy người nguyên thủy. Đây là những mảnh
đá do người nguyên thủy ghè đẽo ra từ những hòn đá
rắn, lượm trên sườn núi; những mảnh đá ấy rất thô sơ,

149666



không có hình dạng nhứt định và thường không được sửa sang lại ở rìa cạnh. Đây là những *mảnh đá* được ghè đẽo một vài nhát vụng về ở một đầu để làm thành những công cụ chặt. Trong sồ đồ đá tìm thấy ở núi Đọ, chỉ có vài cái rìu tay là được ghè đẽo tương đối cẩn thận. *Rìu tay* là một hòn đá hình hạnh nhân, được ghè đẽo ở hai mặt, có đốc cầm to, tròn, có mũi nhọn và có hai rìa cạnh gãy khúc. Rìu tay cũng như mảnh đá, là công cụ chặt thô sơ dùng để làm mọi việc: chặt, cắt, đập, nạo... Với những đồ đá đó, người vượn còn có thể chặt, đẽo những gậy tre, gậy gỗ, trùy, lao bằng tre gỗ⁽¹⁾ v.v...



Mảnh đá rìu tay
(Đồ đá cũ núi Đọ)

3. Đời sống của bầy người nguyên thủy

Bây giờ, cách ngày nay chừng vài chục vạn năm, con người còn đang ở trong buổi bình minh của lịch sử, mới thoát thai từ loài vượn và đang bước những

(1) Người ta chia thời kỳ mà loài người chỉ biết dùng đồ đá ra làm ba giai đoạn: *giai đoạn đồ đá cũ* là giai đoạn xưa nhất của lịch sử loài người; tiếp sau đó là *giai đoạn đồ đá giữa*, khi ấy loài người đã biết chế tạo cung tên; sau cùng là *giai đoạn đồ đá mới*, khi ấy loài người đã biết mài đồ đá và chế tạo được đồ gốm và trồng trọt nguyên thủy.

bước chập chững trên con đường làm chủ thiên nhiên. Bàn tay họ còn chưa khéo léo như bàn tay người ngày nay. Cho nên người nguyên thủy chỉ có thể giáng những nhát ghè đẽo vụng về khi làm công cụ. Kỹ thuật non kém, công cụ thô sơ chứng tỏ đời sống của họ bây giờ còn rất thấp và lệ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên bao quanh.



Sinh hoạt của bầy người nguyên thủy

Người nguyên thủy sống thành bầy chừng vài chục người, lang thang trong rừng núi hay đi dọc theo bờ suối, bờ sông (núi Đọ ở gần bờ phải sông Chu). Họ hái quả cây rừng, lấy trứng chim, đào rễ củ, săn thú, mà ăn.

Với công cụ sắc bén họ có thể săn được thú lớn lấy thịt ăn và lấy da che thân. Trải qua lao động gian khổ càng ngày người nguyên thủy càng có nhiều kinh nghiệm, càng hiểu biết nhiều hơn. Họ đã tìm ra lửa và biết sử dụng lửa để nấu nướng thức ăn cho ngon lành hơn, để sưởi ấm khi mùa đông tháng giá và để xua đuổi thú dữ. Qua lao động người nguyên thủy đã biết suy nghĩ và trao đổi với nhau. Điều đó làm cho họ khác hẳn với loài vật. Người nguyên thủy *sống chung và làm ăn chung*. Với công cụ quá thô sơ, họ không thể kiếm thức ăn, không thể đấu tranh với thú dữ một cách lẻ loi được. Mỗi bảy người có một người đứng đầu. Dù mức sống còn thấp kém, sinh hoạt còn dã man, bảy người nguyên thủy đã là một *tổ chức xã hội* khác hẳn bảy thú.

CÂU HỎI

1. Người nguyên thủy khác với vượn người ở điểm nào? Do đâu mà vượn người chuyển thành người?
2. Người nguyên thủy đã để lại những dấu vết gì ở trên đất nước ta?
3. Người nguyên thủy sống như thế nào? Bảy người nguyên thủy khác bảy thú ở điểm nào?

BÀI 5

XÃ HỘI THỊ TỘC NGUYÊN THỦY Ở VIỆT NAM

1. Đời sống của thị tộc và bộ lạc nguyên thủy

Sau một thời gian phát triển rất lâu dài, người vượn nguyên thủy

dần dần có vóc dáng như người ngày nay ⁽¹⁾ Sự việc đó xảy ra cách đây chừng bốn vạn năm.

Biên ăn sâu vào đất liền. Miền đồng bằng ngày nay khi ấy còn là vũng biển nước cạn với những núi đảo đứng chơ vơ, có dầu sóng biển vỗ vào chân núi.

Dân miền núi bắt con ốc, con cá dưới suối, săn thú, đào rễ củ, hái hoa quả trong rừng, lấy hang đá làm nhà như ở Hòa bình (Hà sơn bình), Bắc sơn (Cao lạng)...

Dân ven biển mò sò điệp, bắt cá tôm dưới biển, săn thú ở những núi rừng chạy dài ra ven biển. Họ ở ngoài trời, hoặc trong những nhà lều đơn giản. Vò sò điệp đã ăn ruột chặt thành những cốn, gò (như khu cốn sò điệp Quỳnh văn, Nghệ tĩnh).

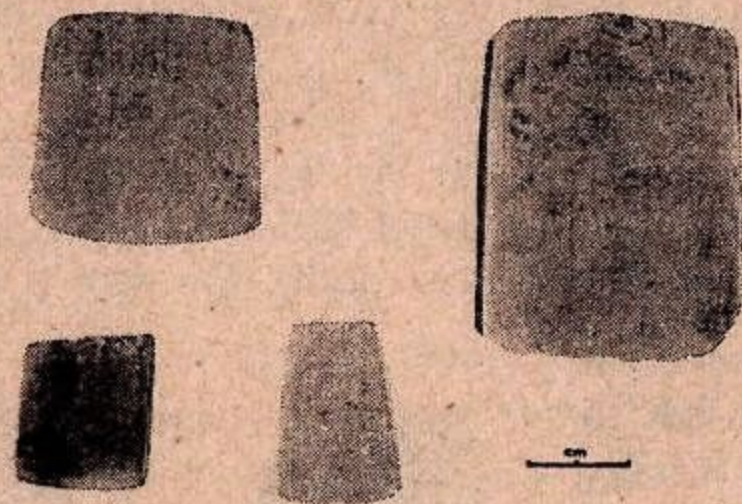


Riêu mài lưỡi (hai mặt)

Con người lúc này đã biết mài lưỡi riêu, đá cho sắc hơn để chặt cây rừng. Cả dân miền núi lẫn dân miền biển đã biết lấy đất sét nặn nôi niêu, đem nung làm đồ đựng, đồ nấu. Ngoài việc lượm hái và đi săn, tổ tiên chúng ta thuở ấy đã bước đầu biết trồng cây ăn quả, trồng bầu bí, dưa, đậu... Nghề trồng trọt đã nảy sinh.

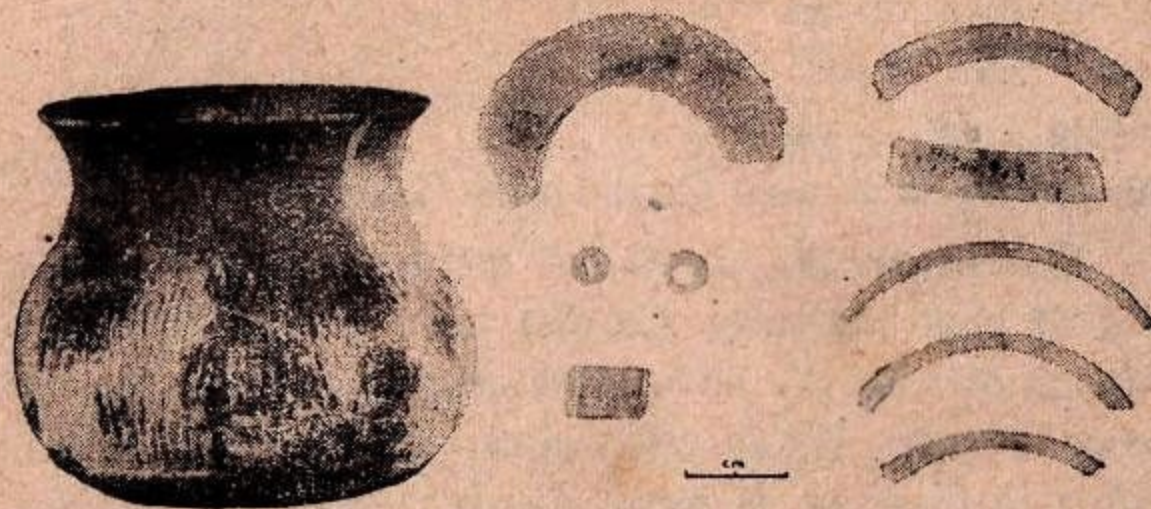
(1) Để phân biệt với người vượn nguyên thủy, người ta gọi người này là người hiện đại hay người khôn ngoan.

Một vài loài thú đã được nuôi, trở thành gia súc, như chó, heo. Nghề đánh cá đã có, nhưng chưa phát triển.



Rìu mài lưỡi (bôn mặt)

Con người lúc này không sống theo bầy nữa mà sống theo họ. Những người có quan hệ máu mủ, cùng chung một tổ tiên trực tiếp sống chung với nhau, vì



Đồ đựng bằng đất nung

Mảnh vòng tay và hạt chuỗi bằng đá

thề nên gọi là thị tộc (họ). Mỗi thị tộc gồm từ vài chục đến vài trăm người. Nhiều thị tộc trong một vùng hợp

nhau thành bộ lạc. Dân ông trong thị tộc chuyên săn bắt, đàn bà chuyên hái lượm và trồng trọt, chăn nuôi. Mọi người trong thị tộc đều bình đẳng. Của cải làm ra được đều là của chung. Người sông dùng vỏ cây và da thú làm đồ mặc, lầy ốc biển, răng nanh thú... xỏ lỗ xâu dây làm vòng đeo tay, đeo cổ. Người chết được chôn ở trong hang động hay trong cồn sò điệp, theo tư thế nằm co hay ngồi xồm.

Bên cạnh người chết, còn chôn theo công cụ đá, đồ gốm... để người chết dùng trong «thế giới bên kia»... Người ta thường hòa thổ hoàng — một loại khoáng chất màu đỏ hoặc vàng — với mỡ bôi lên người để chống rét, chống côn trùng và... làm dáng! Họ đã biết khắc vẽ hình cây cỏ, hình thú, hình người lên đá, lên đất sét, lên vách hang phản ánh cuộc sống lúc bấy giờ.

2. Thị tộc nguyên thủy tan rã

Cách đây khoảng một vạn năm, bộ mặt đất nước ta có nhiều biến đổi. Sông ngòi chuyên chở cuội sỏi,

phù sa từ trên ngàn đổ về lấp đầy dần vũng biển. Vũng biển dần dần thành vùng đầm lầy, rừng rậm với nhiều cọp, voi, cá sấu... Miền châu thổ đã hình thành.

Nhiều bộ lạc, từ rừng sâu núi cao, từ ven biển Đông ra sức khai phá miền châu thổ. Với những chiếc rìu đá mài nhọn, họ đã phát rừng, lấp đầm lầy, chặn nước lũ, nước thủy triều... dựng làng trên những doi đất cao ven sông. Đồng bằng có dân sinh cơ lập nghiệp bắt đầu từ đó. Thẩn thoai vẽ lại những tổ tiên khai phá

đất nước như «những người khổng lồ», «ông đào sông», «ông xây núi», «ông đào hầm, bà xới ruộng», «căn nát núi, húi sạch rừng, bưng ngang lũ»... Trong đầm lầy người ta đã tìm thấy loại «lúa ma» (lúa trời) «không trồng mà mọc». Cây lúa hoang đã được con người cải tạo dần dần thành cây lúa trồng. Nghề trồng lúa đã ra đời. Bán đảo Đông dương là quê hương của cây lúa và của nghề trồng lúa. Nghề đánh cá sông và cá biển lúc này đã phát triển.

Giờ đây, từ miền núi, miền trung du cho đến miền đồng bằng ven biển và trên các hải đảo đều có cư dân sinh sống. Canh đồ đá mài — với rìu, cưa, khoan, đục..., tổ tiên ta dần dần biết khai quặng mỏ, nấu đồng làm công cụ và vũ khí. Kim loại được dùng trong sản xuất đánh dấu một bước ngoặt lớn của xã hội nguyên thủy. Có công cụ kim loại, năng suất lao động tăng lên, từng gia đình có thể làm ăn riêng lẻ. Thị tộc tan rã thành nhiều gia đình cá thể. Ăn riêng, ở riêng thay thế ăn chung ở chung. Năng suất lao động tăng, của cải do một người làm ra đã thừa quá mức cần thiết cho người đó sinh sống. Vì thế bắt đầu có sự trao đổi vật phẩm và có sự tích lũy của riêng. Trong xã hội dần dà nảy sinh sự phân biệt giàu nghèo. Và các giai cấp cũng bắt đầu ra đời.

CÂU HỎI

1. Thị tộc và bộ lạc nguyên thủy xuất hiện vào lúc nào? được tổ chức ra sao?

2. Cuộc sống của con người trong thị tộc và bộ lạc nguyên thủy khác với đời sống của bảy người nguyên thủy ở những điểm nào? Họ có những tập tục gì?
3. Trên đất nước ta khoảng một vạn năm trước đây đã có những biến đổi gì? Do đâu mà có những biến đổi đó?
4. Đời sống của tổ tiên ta lúc này có gì tiến bộ hơn trước?
5. Tại sao nói rằng công cụ kim loại đánh dấu một bước ngoặt lớn của xã hội nguyên thủy?

CHƯƠNG THỨ HAI
BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

BAI 6

CÁC VUA HÙNG DỰNG NƯỚC VĂN LANG

1. Sự hình thành
nước Văn lang

Thuở ấy, cách ngày nay chừng 4000 năm, bộ mặt đất nước ta còn nhiều vẻ hoang dại. Rừng rậm, đầm lầy... Cọp, voi, cá sấu, heo rừng... nhón nhơ đi lại. Song với những chiếc rìu đá, rìu đồng sắc ngọt, người Lạc Việt⁽¹⁾ đã ra công khai phá, biến rừng hoang cây rậm thành những cánh đồng phì nhiêu. Theo sử cũ và theo truyền thuyết, bây giờ có khoảng 15 bộ lạc Lạc Việt sinh sống ở đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ ngày nay. Văn lang là bộ lạc mạnh nhất trong số 15 bộ lạc ấy. Lãnh thổ của bộ lạc Văn lang trải rộng từ chân Ba vì (Hà sơn bình) đến sườn Tam đảo (Vĩnh phú), ở giữa có dòng sông Nhị⁽²⁾ chảy qua. Phù sa sông Nhị làm cho cây

(1) Người Lạc Việt là tổ tiên trực tiếp của người Kinh và người Mường.

(2) Nay gọi là sông Hồng.

lúa tốt tươi, song lũ lụt tràn về cũng gây ra cho con người biết bao thiệt hại. Lại còn có nạn xâm lấn của những tộc láng giềng đe dọa. Trước tình hình đó, các bộ lạc Lạc Việt phải hợp sức nhau lại để chống giặc lụt và giặc xâm lấn. Thủ lĩnh⁽¹⁾ bộ lạc Văn lang đã đứng ra thông nhất các bộ lạc Lạc Việt dựng lên nước Văn lang. Ông tự xưng làm vua (sử gọi là Hùng Vương) và đóng đô ở miền Bạch hạc, Việt trì.

2. Công việc làm ăn
sinh sống của nhân
dân Văn lang

Với những lưỡi cày, lưỡi cuốc, lưỡi liềm... bằng đồng sắc bén, nghề làm ruộng đã trở thành công việc làm ăn chính của

nhân dân Văn lang. Sử cũ chép: « Ruộng Lạc Việt theo nước triều lên xuống mà làm » có nghĩa là người Lạc Việt đã bước đầu biết đào kênh, khơi ngòi dẫn nước từ sông vào ruộng hay tháo nước ở ruộng ra để trồng trọt. Hình bông lúa, cảnh gĩa gạo khắc chạm trên các trống đồng, thạp đồng cũng nói lên việc trồng lúa của người Lạc Việt lúc bấy giờ. Ngoài lúa, người Lạc Việt còn trồng các thứ hoa màu khác như khoai, đỗ, các loại cây ăn quả, các thứ rau, dưa, cà v.v... Với những sản phẩm đó, người Lạc Việt đã biết chế biến những món ăn ngon đến nay vẫn còn quen thuộc với chúng ta như bánh giầy, bánh chưng và các thứ xôi. Cùng với trồng trọt, người Lạc Việt còn chăn nuôi nhiều gia súc. Gà nuôi để ăn trứng, ăn thịt, heo nuôi để ăn thịt, để cúng tế. Trâu, bò nuôi

(1) Người đứng đầu.

để làm ruộng. Người Lạc Việt còn trồng dâu, trồng dâu, nuôi tằm để dệt vải, dệt lụa, may váy, may áo, may khăn, may khò. Áo mặc chui đầu, gài khuy bên trái. Váy áo

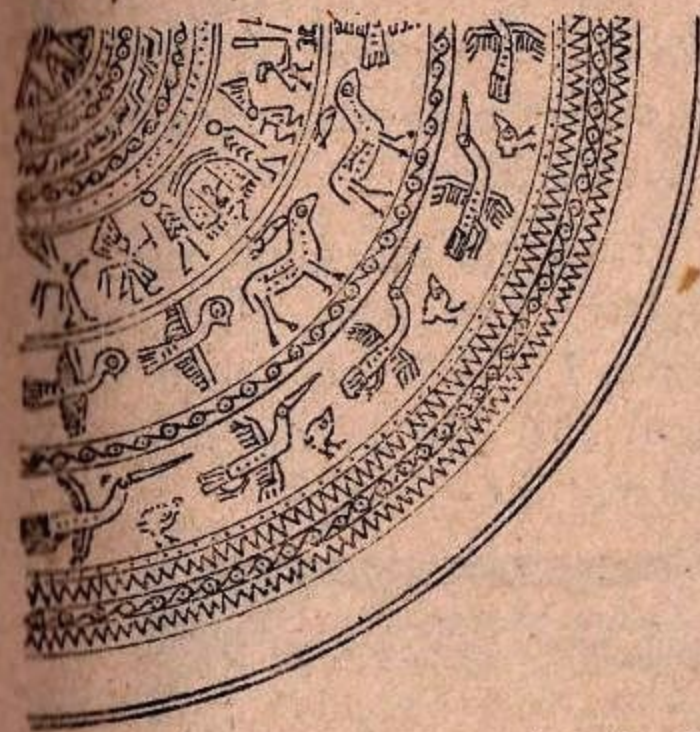


Rìu lưỡi xéo và lưỡi cày bằng đồng

phụ nữ được thêu thùa đẹp đẽ. Để tránh thú dữ và âm thấp, người Lạc Việt thường ở nhà sàn, có mái cong vút như hình thuyền đuôi én.

Bên cạnh nghề trồng trọt và chăn nuôi, nghề đánh cá sông, cá biển cũng phát triển. Người Lạc Việt lặn giỏi, bơi tài, lại rất thành thạo trong việc dùng thuyền,

dùng bè. Thuyền lớn đi biển chở được đến mấy chục người. Thuyền chiến đã có cả lầu canh ở đằng lái.



Trống đồng Ngọc lữ



Lưỡi câu đồng và lưỡi liềm bằng đồng

Đặc biệt qua lao động cần cù và sáng tạo, người Lạc Việt đã chế tạo được nhiều loại đồ đồng rất đặc sắc mà người ta thường gọi là đồ đồng Đông Sơn⁽¹⁾. Trống

(1) Vũ khí có dao găm, giáo mác, áo giáp..., công cụ có lưỡi cày, rìu, liềm... đồ dùng trong nhà có thạp, vò, ấm, dụng cụ âm nhạc có trống, chuông..., đồ trang sức có vòng, nhẫn, bông tai...

đồng Đông sơn vừa đẹp vừa kêu, được liệt vào loại cổ nhất và đẹp nhất Đông Nam Á.



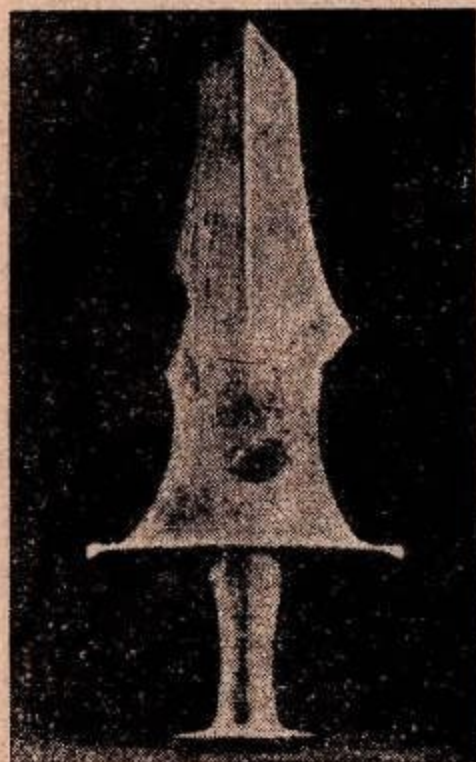
Vòng tay đồng

Những độ xuân sang, những buổi thu về người Lạc Việt mở hội ca hát nhảy múa tung bừng bên tròng đồng.

Họ có tục xăm mình, tục thờ mặt trời, thờ rồng, thờ chim. Người Lạc Việt còn chôn theo người chết các đồ vật vì họ tin rằng chết là tiếp tục sống ở một thế giới khác.



Mảnh giáp che ngực bằng đồng



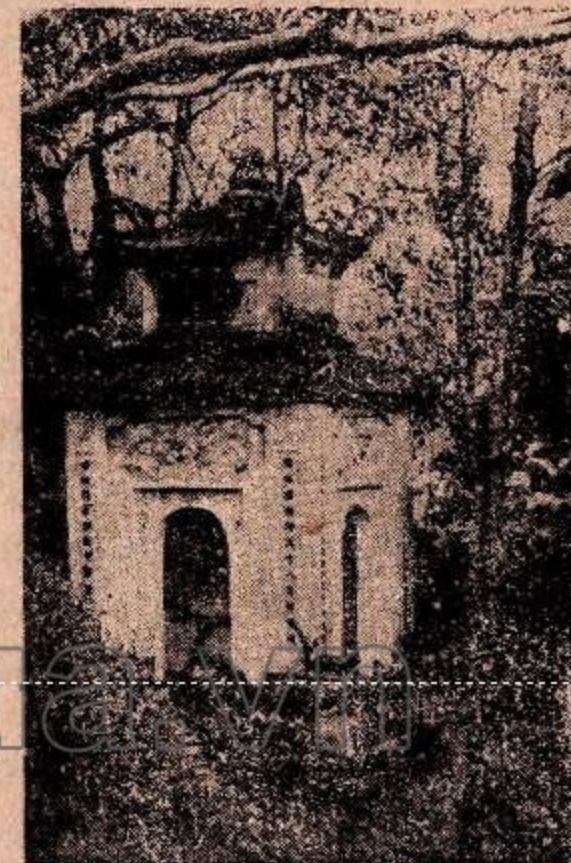
Dao găm đồng



Mũi tên đồng

3. Xã hội Văn lang

Dưới Hùng Vương có các vua trông dân giữ nước. Lạc hầu, Lạc tướng là tầng lớp quý tộc trong xã hội. Lạc dân là đông đảo nông dân các làng xã. Lạc dân cày cấy ruộng công của làng xã và phải nộp một phần thu hoạch cho Lạc hầu, Lạc tướng và vua. Lạc dân còn là người đúc đồ đồng, làm đồ gốm, trồng dâu, chăn tằm, dệt vải... Họ là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Trong xã hội Văn lang còn có một số đầy tớ và con hầu phục vụ trong cung vua và trong nhà các gia đình quyền quý.



Lăng Hùng Vương (Vinh phú)

CÂU HỎI

1. Nước Văn lang đã được thành lập như thế nào? Tại sao?
2. Nhân dân Văn lang làm ăn sinh sống như thế nào? Có những phong tục gì?
3. Xã hội Văn lang có những hạng người nào?

(1) Theo truyền thuyết, Hùng Vương truyền ngôi được 18 đời.

AN DƯƠNG VƯƠNG LẬP NƯỚC ÂU LẠC

1. Nước Âu lạc ra đời

1. Nước Âu lạc ra đời

Trong khi các bộ lạc Lạc Việt sinh sống ở đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ thì các bộ lạc Âu Việt sinh sống ở miền núi rừng Việt bắc nước ta ngày nay. Lạc Việt và Âu Việt đều có chung một nguồn gốc. Người Âu Việt thạo về cung nỏ, giỏi săn bắn, làm ruộng rẫy hoặc đánh cá sông, cá suối. Họ cũng cắt tóc ngắn, xăm mình, mặc áo chui đầu gài khuy bên trái như người Lạc Việt. Lạc Việt có đồng bằng phì nhiêu. Âu Việt có nhiều quặng mỏ: đồng, thiếc, sắt... Giữa các bộ lạc Âu Việt và Lạc Việt vẫn có nhiều mối quan hệ trao đổi chặt chẽ về kinh tế và văn hóa.

Nửa sau thế kỷ III trước Công nguyên, nhà Tần ở Trung quốc đã thông nhất đất nước trở thành một nước lớn mạnh và tìm cách bành trướng ra xung quanh. Trước tình hình đó, các bộ lạc Âu Việt và Lạc Việt cần tập hợp nhau lại để tự vệ chống xâm lăng. Thục Phán, thủ lĩnh của người Âu Việt đã lật đổ triều Hùng rồi sáp nhập đất đai Âu Việt với đất Văn Lang, lập ra nước Âu lạc. Ông lên làm vua, tự xưng là *An Dương Vương*.

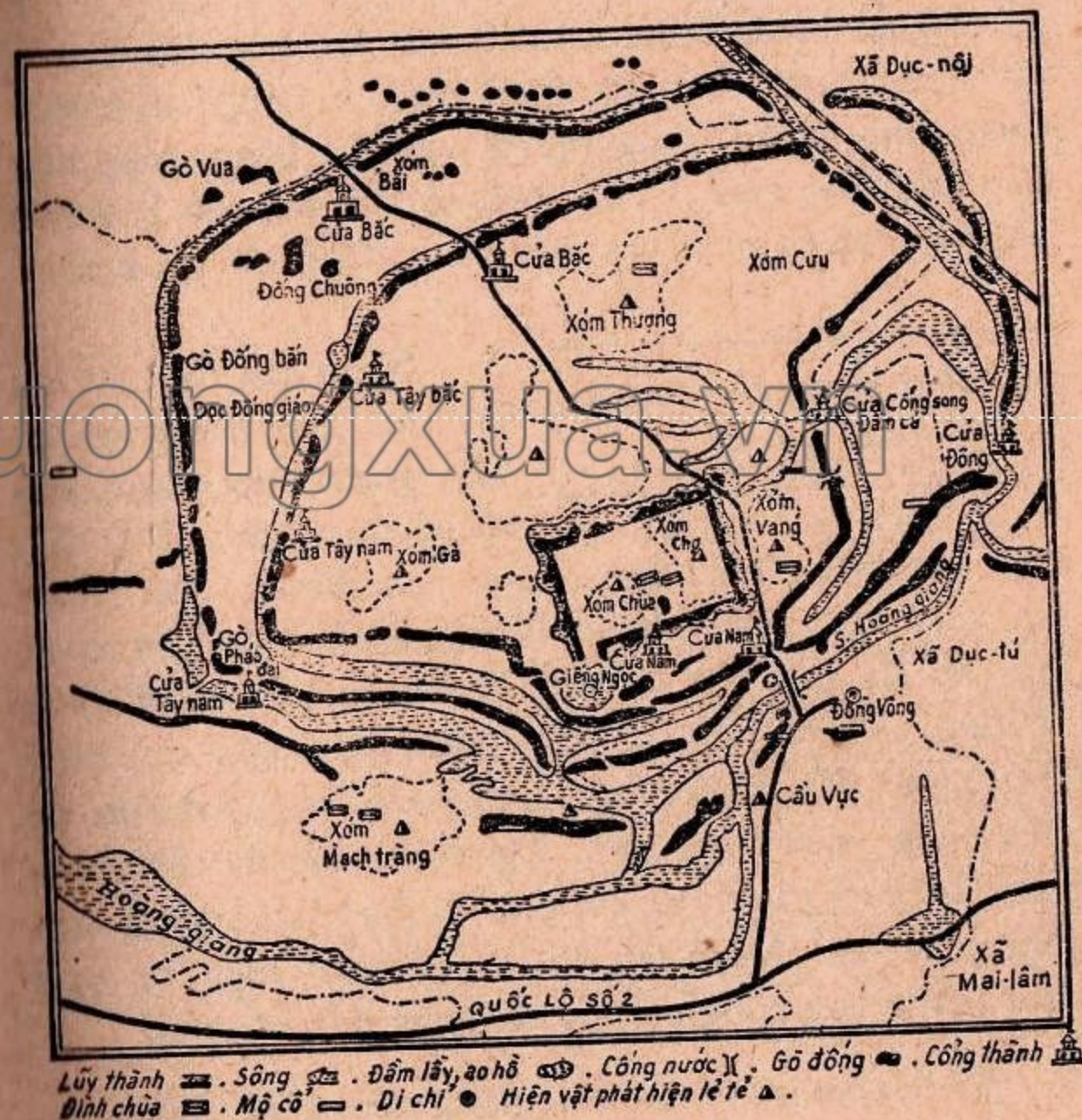
2. An Dương Vương xây thành Cổ loa

tâm đất nước.

Trong khi các bộ lạc
Lạc Việt sinh sống ở đồng
bằng Bắc bộ và Bắc Trung

Sầu khi lên ngôi, An Dương Vương đã rời đô xuống miền Cổ loa (ngoại thành Hà nội) ở trung

An Dương Vương đã cho di dân Cổ Loa đi nơi khác và xây dựng ở đây một thành rất lớn. Theo sử cũ thì thành được xây dựng có nhiều lớp. Di tích của thành nay còn thấy 3 vòng thành dài hơn 16km. Chân thành được kê đá tảng cho chắc. Trên mặt các vòng thành, từng quãng một lại có một ụ đất làm đồn canh. Từ những ụ đất này có thể phát hiện được địch từ xa và có thể đón bắn địch đến từ bất cứ phía nào. Mặt ngoài tường thành



Bản đồ khu di chỉ Cổ loa

đắp thẳng đứng, mặt trong đắp dốc thoải. Dịch ở ngoài không thể trèo lên thành nếu không có thang, nhưng ở trong thành có thể chuyển quân lên mặt thành nhanh chóng để đón đánh địch. Ngoài mỗi vòng thành đều có hào rộng và sâu, thuyền bè đi lại thông dong. Các vòng hào lại ăn thông với nhau, nối với đầm Cả và Hoàng giang làm cho Cổ loa vừa là căn cứ bộ binh vừa là căn cứ thủy quân lợi hại.

Ngoài thành Cổ loa kiên cố, An Dương Vương còn xây dựng được một đội quân lớn gồm hàng vạn người. Quân lính được trang bị các vũ khí bằng đồng như giáo mác, dao găm... đặc biệt có một loại nỏ bắn một lần được nhiều phát tên mũi bằng đồng rất lợi hại.

3. Đời sống của nhân dân Âu lạc

Nhân dân Âu Lạc vẫn lấy sản xuất nông nghiệp làm nguồn sống chính. Họ đã sử dụng trâu bò để kéo

cày, kéo bừa nhiều hơn. Lúa, gạo, khoai, đậu được sản xuất ngày một nhiều. Người Âu lạc còn biết trồng mía, ép lấy mật làm đường. Nghề săn bắn, nghề đánh cá sông, cá biển tiếp tục phát triển. Các nghề thủ công như nghề dệt, nghề mộc, nghề đan lát, nghề làm đồ gốm cũng phát triển hơn. Người Âu lạc đã biết nung gạch làm ngôi xây dựng cung điện. Nghề đúc đồng ngày càng phát đạt. Nghề rèn đồ sắt đã xuất hiện từ cuối thời Hùng nay cũng có những bước tiến bộ mới.

Xã hội Âu lạc về căn bản giống như xã hội Văn lang, nhưng phát triển hơn. Sự phân biệt giàu nghèo và địa

vị sang hèn trong xã hội rõ hơn và sâu hơn. Tầng lớp quý tộc đông hơn, nhà vua cũng có xu hướng chuyên quyền hơn; nhưng tinh thần đoàn kết tương trợ giữa nhân dân các làng xã vẫn được giữ vững.

CÂU HỎI

1. Nước Âu lạc được thành lập như thế nào? Tại sao?
2. Em biết gì về thành Cổ loa của An Dương Vương? Tại sao có thể nói rằng: « Thành Cổ loa là một căn cứ quân sự kiên cố và lợi hại của quân và dân Âu lạc? »
3. Đời sống của nhân dân Âu lạc có gì tiến bộ so với đời sống của nhân dân Văn lang?

BAI 8 ÂU LẠC TỪ THẾ KỶ II TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN TRƯỚC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG

1. Cuộc kháng chiến chống quân Tần của nhân dân Âu lạc

Sau khi thống nhất Trung quốc (221 tr. C.N.) Tần Thủy Hoàng đã phát 50 vạn quân xuống xâm lược đất Việt phương

Nam. Quân Tần đã chiếm được nhiều đất và lập thêm nhiều quận huyện mới. Nhưng khi tiến sâu vào miền Bắc nước ta, quân Tần đã vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của người Âu Việt và người Lạc Việt. Nhân dân Âu lạc đã bỏ vào rừng núi, cùng nhau cử người tài

giỏi lên làm tướng để chỉ huy cuộc kháng chiến. Nhân dân Âu lạc đã kiên trì và dũng cảm chiến đấu trong hơn chục năm ròng. Quân Tấn «thây phơi đầy nội, máu chảy đầy sông», hơn hai mươi vạn quân giặc bị giết chết. Chủ tướng là Đổ Thư cũng bỏ mạng. Nhân dân Âu lạc đã ghi chiến công đấu vẻ vang trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

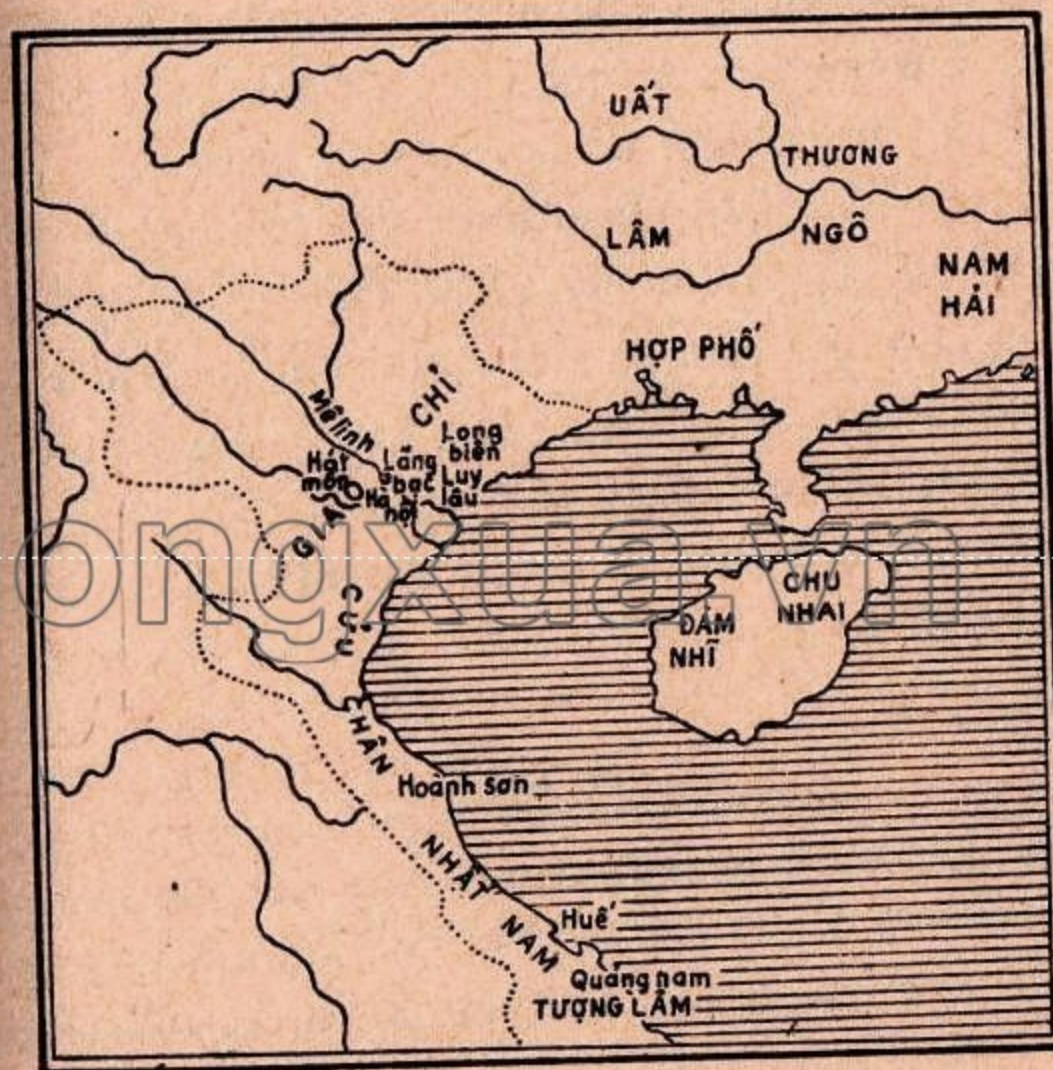
2. Cuộc xâm lược của Triệu Đà

Nhân lúc nhà Tấn suy yếu, năm 207 tr. C.N, một viên quan cũ của nhà Tấn là *Triệu Đà* đã chiếm đất Quảng đông, Quảng tây lập ra nước *Nam Việt*. Nhiều lần Triệu Đà đã phát binh xâm lược Âu lạc. Nhưng Âu lạc có binh giỏi tướng tài, lại có vũ khí lợi hại là cung nỏ nên đã đánh lui được quân xâm lược. Triệu Đà bèn tính kế gian, xin hoãn binh, cho con trai là *Trọng Thủy* sang Âu lạc làm con tin xin lấy *My Châu*, con gái An Dương Vương và ở rể tại kinh đô Âu lạc. Sau vài năm dò xét tình hình Âu lạc và nắm được kế hoạch phòng ngự của An Dương Vương, Trọng Thủy lên trốn về Nam Việt. Năm 179 tr. C.N. Triệu Đà đem quân tấn công Âu lạc. Một mặt Triệu Đà dùng binh uy hiếp, mặt khác Triệu Đà dùng của cải mua chuộc một số quý tộc Âu lạc.

An Dương Vương nặng tình nhà, nhẹ nghĩa nước, lại tướng vẫn còn ưu thê về vũ khí, không lo phòng bị chống xâm lược. Vì vậy trước cuộc tấn công ồ ạt của Triệu Đà, An Dương Vương đã thất bại nhanh chóng. Âu lạc bị rơi vào ách đô hộ của nhà Triệu.

3. Ách đô hộ của nhà Triệu và nhà Hán

Thắng được An Dương Vương rồi, Triệu Đà chia Âu lạc làm hai quận *Giao Chỉ* (Bắc bộ) và *Cửu Chân* (miền Thanh — Nghệ — Tĩnh) để cai trị. Nhà Triệu vẫn để Lạc tướng trị dân như cũ, mưu lợi dụng các



Bản đồ : Bộ Giao chỉ

Lạc tướng làm chỗ dựa để thông trị và bóc lột nhân dân ta. Cách bóc lột chính của nhà Triệu là bắt nhân dân ta nộp cống các thứ quý lạ như ngọc trai, đồi mồi, ngà voi, sừng tê, v.v... Nhân dân ta còn phải nộp gạo, rượu,

trâu, bò... nuôi bọn quan lại, phải đi phu sửa sang thành lũy, xây dựng nhà cửa và hầu hạ bọn chúng.

Về sau (111 tr. C.N.) nhà Hán diệt nhà Triệu, Âu lạc lại lọt vào tay nhà Hán. Nhà Hán lập ra Bộ *Giao chỉ*⁽¹⁾, chia đất nước ta thành *quận, huyện*, và cắt đặt quan lại cai trị. Đứng đầu bộ Giao chỉ hay châu Giao là một viên thứ sử. Đứng đầu mỗi quận là một viên thái thú coi việc chính trị và một đô úy coi việc quân sự. Ở các huyện, nhà Hán phần nhiều dùng các Lạc tướng để trị dân như cũ. Ngoài việc bắt nhân dân Âu lạc phải nộp công, đi phu, nhà Hán còn dời một số lớn dân Hán xuống ở lẫn với người Việt để hòng khai khẩn thêm đất mới và bóc lột thêm tô thuế. Bằng cách đó, nhà Hán cũng định biến dân ta thành dân Hán, tiến tới xóa bỏ tên nước ta trên bản đồ thế giới.

CÂU HỎI

1. Nhân dân Âu lạc đã kháng chiến chống quân Tần xâm lược như thế nào? Thu được thắng lợi gì?
2. Triệu Đà đã dùng mưu mô và đã tàn công xâm lược Âu lạc như thế nào?
3. Chính sách cai trị và bóc lột của nhà Triệu và nhà Hán ở Âu lạc như thế nào? nhằm mục đích gì?

(1) Gồm 9 quận (trong đó có 2 quận Giao chỉ và Cửu chân) sau đổi là Giao châu.

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG (40 — 43)

1. Dưới ách đô hộ của nhà Hán, nhân dân căm phẫn, Lạc tướng bất bình

Đầu thế kỷ I, tình hình phong kiến Trung quốc rồi ren. Bọn quan lại nhà Hán cai trị ở nước ta như Tích Quang, Nhâm Diên tuy có khuyến khích dân

ta rèn đúc thêm nông cụ, đẩy mạnh việc cày bừa bằng trâu bò, nhưng cũng bắt nhân dân ta nộp tô thuế nhiều hơn. Chúng đua nhau cướp đất, cướp dân ở các làng mạc do Lạc tướng cai quản để lập ấp trại, bắt dân khai khẩn thêm ruộng đất để có thêm nguồn bóc lột. Chúng còn bắt dân ta phải theo phong tục Hán hòng biến dân ta thành dân Hán. Chúng muốn dùng luật pháp Hán để trói buộc nhân dân ta và hạn chế quyền hành của các Lạc tướng. Dân ta vốn lập nước từ lâu, vốn có một lối sống riêng và một nền văn hóa riêng, nay bị đè nén và bị mưu đồng hóa nên vô cùng căm phẫn. Nhiều Lạc tướng có lòng yêu nước và con cháu họ cũng bất bình nên sẵn sàng lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống ách đô hộ của nhà Hán. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã nổ ra trong hoàn cảnh ấy.

2. Hai Bà Trưng lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa

Trưng Trắc, Trưng Nhị là hai chị em ruột, con gái Lạc tướng huyện Mê linh (miền Sơn tây cũ là tỉnh Vĩnh phú ngày nay), thuộc dòng dõi Hùng Vương. Trưng Trắc là một phụ

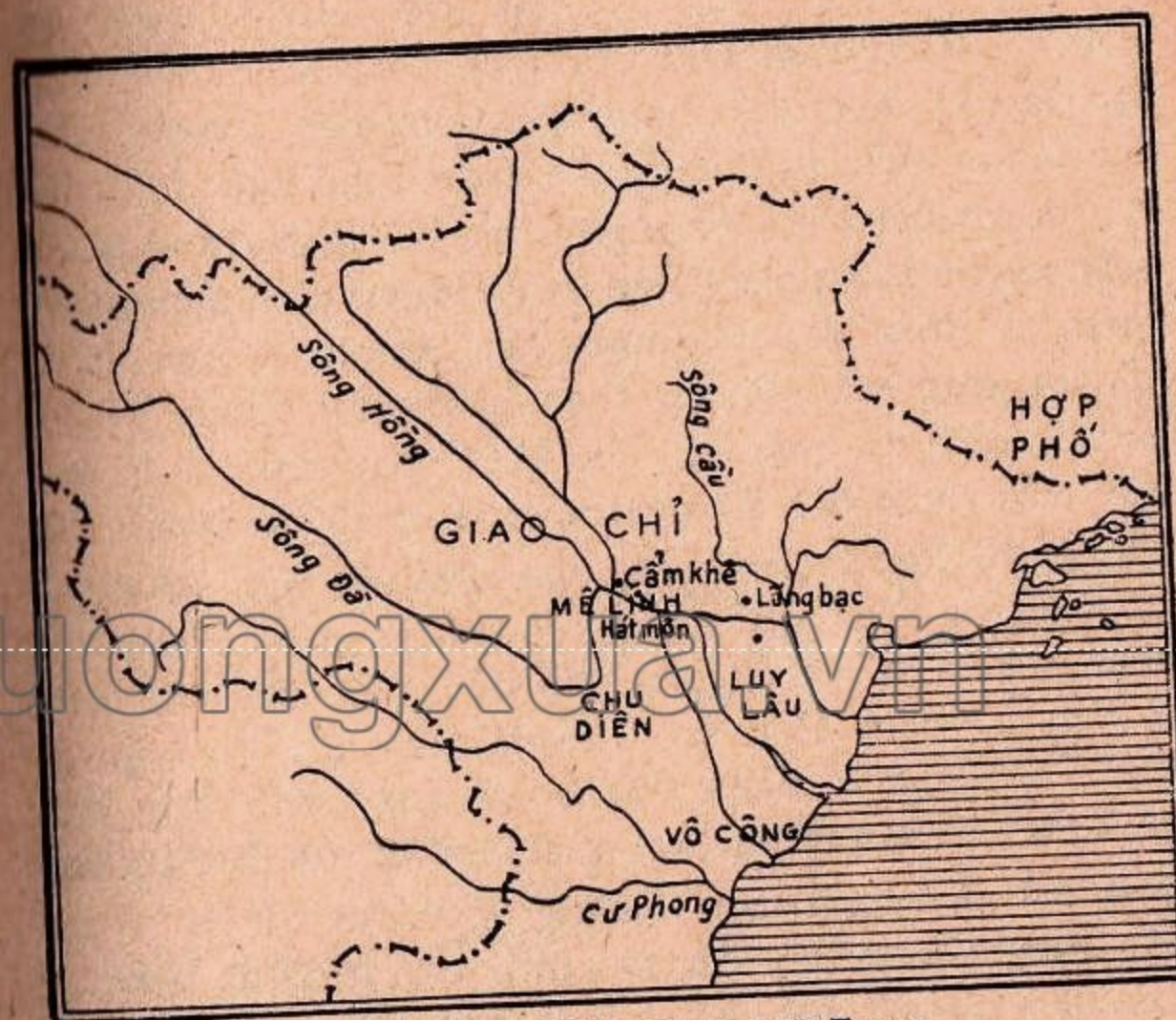
nữ dũng cảm và mưu trí. Chồng bà là *Thi Sách*, con trai lạc tướng huyện Chu diên (Hà tây và Nam hà cũ) cũng là người có lòng yêu nước và có chí khí quật cường. Hai gia đình Lạc tướng Mê linh và Chu diên cùng nhau mưu việc lớn. Hai Bà Trưng đi khắp vùng núi vận động nhân dân gia nhập nghĩa quân. Nhân dân hết lòng ủng hộ sự nghiệp cứu nước.

Thái thú *Tô Định* cai trị quận Giao chỉ bấy giờ là người hết sức tham tàn bạo ngược. Y tìm cách bắt giết Thi Sách hòng bóp nghẹt cuộc khởi nghĩa. Nhưng việc làm tàn bạo đó của Tô Định chỉ làm cho nhân dân Âu lạc thêm căm phẫn. Trưng Trắc càng quyết tâm đứng lên «đền nợ nước, trả thù nhà».

Mùa xuân năm 40, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị phát cờ khởi binh từ cửa sông Hát (Hà sơn bình). Nhân dân và Lạc tướng khắp nơi từ miền ngược đến miền xuôi sôi nổi hưởng ứng. Phụ nữ đã tham gia khởi nghĩa rất đông đảo. Từ An biên (Hải phòng) bà *Lê Chân* đem đội nghĩa binh vừa trai vừa gái lên giúp Hai Bà Trưng. Từ Yên dũng (Hà bắc), bà *Thánh Thiên* đem quân theo Hai Bà Trưng làm tướng tiên phong. Từ Duyên hà (Thái bình) bà *Bát Nàn* cũng cùng dân khởi nghĩa. *Thiều Hoa* cô gái Vĩnh phú nhà nghèo nhưng giàu lòng hào hiệp cũng theo Hai Bà Trưng đi đánh giặc lập nhiều công lớn, v.v...

Từ Mê linh quân Hai Bà tiến đánh Luy lâu (Hà bắc) là nơi bọn thứ sử, thái thú nhà Hán đóng binh. Quan lại nhà Hán, kẻ bị giết, kẻ chạy trốn. Tô Định hoảng sợ, lén chạy về nước, cầu mong thoát thân, của cải, giấy tờ bỏ lại hết cả.

Khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn. Trưng Trắc được suy tôn làm vua, gọi là *Trưng Vương*, đóng đô ở Mê linh. Các Lạc tướng lại giúp Trưng Vương cai quản đất nước. Ba năm liền nhân dân được xá thuế.



Bản đồ: Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng được nhân dân tham gia đông đảo, được các Lạc tướng nhất trí ủng hộ nên đã thành công mau chóng. Cuộc khởi nghĩa đã hun đúc thêm lòng yêu nước, ý chí giành độc lập của nhân dân ta, góp phần quan trọng xây dựng truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc.

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Hán

Được tin Trưng Trắc khởi nghĩa và xưng vương, vua Hán hết sức tức giận, hạ lệnh phái quân trở lại xâm chiếm nước ta.

Năm 42, *Mã Viện*, một tên tướng già, có nhiều kinh nghiệm đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nông dân Trung quốc, đem 2 vạn quân và 2 nghìn xe thuyền mở cuộc tấn công xâm lược nước ta. Trưng Vương cùng các tướng kéo quân xuống Lãng bạc (Tiên sơn, Hà bắc) đón đánh địch. Quân ta chiến đấu rất dũng cảm nhưng không chống nổi với quân Mã Viện vốn thạo nghề chinh chiến. Trưng Vương phải lui quân về Cẩm Khê (Vĩnh phú). Suốt một năm trời chiến đấu dũng cảm, quân ta cố cản bước tiến của địch. Sau vì sức yếu, quân tan vỡ, Hai Bà đã hy sinh (tháng 5 năm 43). Một số tướng sĩ vẫn tiếp tục kháng chiến ở Cửu chân cho đến cuối năm 43 mới bị đàn áp hẳn. Hai Bà Trưng mất đi, sự nghiệp của Hai Bà còn dang dở, song tinh thần độc lập, tự chủ, chí khí dũng cảm quật cường của Hai Bà còn sống mãi đến ngày nay. Tưởng nhớ công ơn hai vị nữ anh hùng đầu tiên của dân tộc, nhân dân ta đã lập đền thờ Hai Bà Trưng ở quê nhà và ở nhiều nơi khác⁽¹⁾.

CÂU HỎI

1. Tại sao có cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?
2. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi mau chóng như thế nào? Vì sao?
3. Hãy nói kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

(1) Nay ở nhiều nơi thuộc Hà nội, Hà tây, Vĩnh phú và nhiều tỉnh khác còn có đền thờ Hai Bà Trưng và các tướng của Hai Bà.

CHƯƠNG THỨ BA

ÂU LẠC TỪ SAU KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG ĐẾN KHỞI NGHĨA LÝ BÍ (thế kỷ I—VI)

BÀI 10

ÂU LẠC TỪ SAU KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG ĐẾN TRƯỚC KHỞI NGHĨA LÝ BÍ (thế kỷ I—VI)

1. Phong kiến nước ngoài tăng cường ách thống trị đối với nhân dân Âu lạc

Đẹp tan được cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, triều đình phong kiến phương Bắc cử quan lại sang châu Giao cai trị tới

cấp huyện (toàn châu Giao có 56 huyện), chế độ Lạc tướng cha truyền con nối của người Việt từ nay bị bãi bỏ. Ở mỗi huyện bọn quan lại nước ngoài đều xây thành quách làm chỗ đóng binh. Luật lệ cũ của người Việt bị xóa bỏ. Luật Hán được thi hành trên đất Việt (nhằm trói buộc người Việt chặt hơn).

Nhưng bọn thông trị nước ngoài vẫn không với tay được tới các làng, xã. Làng xã vẫn là những «pháo đài xanh», những «bầu trời riêng» của người Việt và các thủ lĩnh của họ.

Cuối thế kỷ II, tình hình Trung quốc rối ren, chiến tranh giữa các phe phái phong kiến diễn ra liên miên. Bọn quan lại cai trị nước ta như anh em Sĩ Nhiếp, cha con Đào Hoàng... tha hồ làm vương làm tướng ở châu Giao, cha truyền con nối làm thứ sử, thái thú, cử người nhà làm quan để vơ vét bóc lột làm giàu. Để dễ bề thông trị và bóc lột nhân dân ta, bọn đô hộ đã đưa nhiều dân Hán xuống đất Việt, sửa đổi phong tục Việt, du nhập lễ giáo của phong kiến phương Bắc vào nước ta, cùng với chữ Hán. Lễ giáo phong kiến dạy người ta phải phục tùng vua; vua là «con trời», chống lại là phản loạn.

2. Nhân dân bị bóc lột tàn tệ

Phong kiến nước ngoài biết đất nước ta là nơi «đất rộng người nhiều, ruộng bãi phì nhiêu»,

«sản xuất nhiều vật báu, của lạ núi biển, không đâu ví bằng»⁽¹⁾. Triều đại phong kiến nào cũng thèm khát những của quý vật lạ của xứ nhiệt đới này. Nhân dân phải thường xuyên nộp cống cho triều đình phương Bắc. Cách bóc lột bằng cống nạp này không có mức độ gì cả; nó xô đẩy tổ tiên ta vào một cuộc sống đầy rẫy hiểm nghèo, trên rừng, dưới biển: săn voi, tê ngưu, bắt chim

(1) Trích lời của một viên quan nhà Hán.

quý, dẫn gỗ trầm hương, mò ngọc trai, bắt đổi mỗi, lấy san hô...

Hoa quả miễn nhiệt đới (chuối, dừa, vải, nhãn, cam, quýt...) sản phẩm thủ công (vải lụa, đồ mỹ nghệ), cả đến những người thợ khéo cũng bị đem nộp cống.

Ngoài việc nộp cống, nhân dân ta còn phải nộp tô đóng thuế: tô ruộng, thuế đinh, thuế muối, thuế sắt... Bọn quan lại tham nhũng chỉ chăm vơ vét cho đầy túi.

Nhân dân bị đè nén, chèn ép, bóc lột nặng nề. Xã hội, sản xuất, văn hóa... phát triển chậm chạp. *Mất nước là niềm khổ đau nhất trong mọi điều đau khổ.*

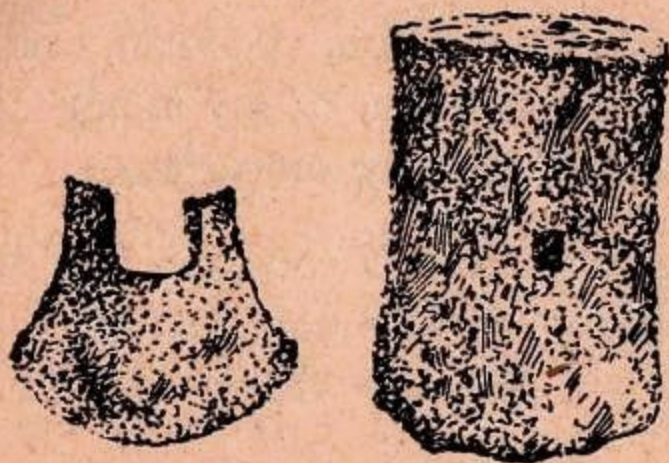
Nhưng nhân dân ta là một nhân dân quật cường bất khuất. Bám chặt lấy làng, lấy đất, nhân dân ta không ngừng đấu tranh để phát triển sản xuất. Nhân dân ta cũng ra sức giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc trong khi không ngừng học hỏi, hấp thụ cái hay, cái giỏi của nhân dân nước ngoài.

3. Đấu tranh phát triển sản xuất

Quan lại nước ngoài nắm độc quyền về sắt, kiểm soát gắt gao việc khai thác, chế tạo và mua bán

đồ sắt. Mặc dầu vậy, nhân dân ta vẫn rèn chế được nhiều công cụ (rìu, cuốc...), vũ khí (kiếm, giáo, kích, lao...), dụng cụ nối gang, đèn, đinh... bằng sắt. Kỹ thuật đúc đồng đã bị đẩy xuống hàng thứ hai; người Việt chuyên dùng đồng để đúc mũi tên, đúc trống đồng, đúc các đồ dùng trong nhà và đồ thờ.

Nghề nông dùng nông cụ sắt và kỹ thuật cày bừa bằng trâu bò kéo ngày càng phổ biến. Đê điều phòng lụt được đắp thêm.



Cuốc sắt và rìu sắt

Kênh ngòi được đào thêm hay được nạo vét lại. Nhiều loại phân được dùng để tăng độ phì cho đất. Trải qua một thời gian lâu dài kiên trì tăng vụ, chuyển vụ, đồng ruộng hai mùa

lúa ra đời. Tổ tiên ta là cư dân biết trồng lúa hai mùa rất sớm trên thế giới.

Ngoài lúa, nông dân ta còn trồng khoai, đỗ và nhiều loại cây có củ khác. Ngoài cây lương thực còn trồng dâu tằm, trồng cây lấy sợi (đay, gai, bông), trồng mía, trồng cây ăn quả, trồng rau muống, cà, hành... Cùng với trồng trọt nhân dân ta còn nuôi nhiều gia súc, trâu, bò, heo, chó, dê, gà, vịt, ngỗng... Lại nuôi ngựa và voi để chở đồ, kéo xe và dùng trong chiến trận.

Cùng với nghề rèn sắt và đúc đồng, nhiều nghề thủ công vốn có từ trước của ta như nghề dệt, nghề kéo mật, nghề làm đồ gốm, v.v... đều phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh đồ đất nung, đã có đồ sành và đồ tráng men, nửa sành nửa sứ. Mỗi năm nuôi tám lứa tằm, ươm tơ dệt lụa, dệt vải bông, vải tơ chuối, tơ tre. Ép mía làm mật, làm đường cát, đường phèn... Ngoài ra nhân dân ta còn phát triển nhiều ngành nghề mới: nung gạch làm ngói, nấu cát thổi đồ thủy tinh, làm đồ mỹ nghệ vàng ngọc,

đồ khảm xà cừ, đồ sơn then, làm giấy, v.v... Giấy trăm hương của ta vừa đẹp vừa bền và thơm đã được bán sang nước ngoài.

Những huyện lỵ, quận lỵ... cũng là những trung tâm kinh tế. Đường giao thông thủy, bộ được mở mang hơn trước. Nhân dân ta đóng được nhiều thuyền lớn, đi sông và đi biển. Lúc này việc giao thông và buôn bán trên mặt biển giữa La mã, Ba tư, Ấn độ, Ja-va, Chàm, Trung quốc... cũng phát triển. Đường hàng hải quốc tế ở phương Đông qua vùng biển nước ta trở nên nhộn nhịp. Tại những thị trấn lớn của ta lúc bấy giờ như Luy lâu, Long biên (Hà bắc)... đã có nhiều người nước ngoài tới trú ngụ, buôn bán và truyền giáo. Ngoài người Hán, còn có người Ấn độ, người Trung Á, người Khơ-me, Ja-va...

Việc mua bán nô tì cũng thịnh hành.

4. Đấu tranh phát triển văn hóa

Bọn thống trị nước ngoài chẳng bao giờ chăm lo đến việc học hành của nhân dân ta. Tích Quang,

Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp... có mở trường dạy học ở châu Giao thì cũng chẳng qua là để đào tạo một ít tay sai đắc lực cho bộ máy cai trị của chúng mà thôi. Chúng bày đặt ra nhiều thứ lễ giáo phức tạp về ma chay, cưới xin... Đó cũng là một biện pháp truyền bá vào ta lễ giáo đạo đức phong kiến.

Những việc đó nhất định có ảnh hưởng tới lối sống, cách nghĩ của người dân Âu lạc. Nhưng ảnh hưởng đó chỉ có nhiều ở các tầng lớp trên trong xã hội mà thôi.

Nhân dân ta ở các làng xã vẫn sống theo cách sống riêng của mình. *Họ duy trì tiếng nói của tổ tiên*, tiếng nói biểu hiện cuộc sống và tâm hồn người Việt. Tiếng Việt có vay mượn nhiều từ Hán nhưng vẫn là một tiếng nói riêng. Vốn liếng nghệ thuật từ thời dựng nước vẫn được bảo tồn: đúc trống đồng, thổi khèn, cách trang trí trên đồ đồng, đồ gốm... Nhiều phong tục tập quán đặc sắc của người Việt như tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, làm bánh chưng, bánh giầy... vẫn được giữ gìn lâu dài. Nòi giống vẫn là nòi giống Việt. Phong tục vẫn là phong tục người Nam.

Đạo Phật, đạo Nho, đạo Lão từ nước ngoài được truyền bá vào ta. Nhân dân ta vốn có lòng khoan dung, ai muốn theo đạo nào thì theo nhưng không vì tôn giáo khác nhau mà bị chia rẽ, thù ghét lẫn nhau. *Toàn dân đoàn kết, đùm bọc nhau trong ý chí tự lập, tự cường*. Cảnh chùa chiền thờ Phật, đạo quán thờ Tiên, vẫn mọc lên những đền thờ các anh hùng giúp dân cứu nước như đền vua Hùng, đền Bà Trưng, Bà Triệu... Đạo đức phong kiến dạy người ta «trọng nam khinh nữ» nhưng đạo đức dân gian vẫn tôn trọng phụ nữ: phụ nữ Việt nam vẫn nêu cao truyền thống «giặc đến nhà đàn bà cũng đánh» của Bà Trưng, Bà Triệu...

Điều đó chứng tỏ sức sống dồi dào mãnh liệt của dân tộc Việt nam, của văn hóa Việt nam.

5. Xã hội biến chuyển

Trước khi bị phong kiến phương Bắc xâm chiếm, xã hội Âu lạc đã có sự phân hóa giai cấp. Sử cũ chép «Lạc dân khẩn ruộng,

Lạc hầu ăn ruộng». Điều đó có nghĩa là Lạc hầu là tầng lớp thống trị sống dựa trên mồ hôi và công sức lao động của Lạc dân là nhân dân lao động. Việc An Dương Vương dời dân, lấy đất dựng kinh đô ở Cổ Loa chứng tỏ rằng nhà vua là người chủ của tất cả ruộng đất ở trong nước.

Từ thế kỷ I đến thế kỷ VI, sức sản xuất càng phát triển thì sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc. Xã hội Âu lạc ngày càng chuyển thành một xã hội phong kiến. Nông dân cày cấy ruộng công của làng xã phải nộp tô thuê cho địa chủ, cho chính quyền đô hộ. Nhiều người bị phá sản, mất đất, mất ruộng, trở thành nông nô, nô tỳ. Nông nô bị bắt buộc cày ruộng trong các đồn điền của chính quyền đô hộ. Nô tỳ phải hầu hạ, phục vụ trong các nhà quyền quý. Một số khác trở thành nông dân lệ thuộc, phải cày ruộng nộp tô và đi lính cho các địa chủ, quan lại địa phương. Có địa chủ nước ngoài. Có địa chủ người Việt, thường là địa chủ nhỏ bị bọn quan lại nước ngoài chèn ép. Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào đấu tranh của nhân dân chống chính sách đô hộ của kẻ ngoại xâm, nhiều người trong giai cấp phong kiến Việt nam có tinh thần dân tộc mạnh mẽ. Họ chỉ chờ thời cơ cùng nhân dân vùng lên đánh đuổi chính quyền đô hộ, giành lại độc lập cho đất nước.

CÂU HỎI

1. Từ sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng thất bại, phong kiến nước ngoài đã tăng cường ách thống trị đối với nhân dân Âu lạc như thế nào?
2. Cách bóc lột bằng công nạp đã có tác động đối với đời sống của nhân dân ta như thế nào?

3. Hãy nêu những sự việc để chứng minh rằng dưới ách thống trị của phong kiến nước ngoài trong các thế kỷ I — VI, nhân dân ta không ngừng đấu tranh để phát triển sản xuất, để giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc.
4. Xã hội Âu lạc trong các thế kỷ I — VI biến chuyển như thế nào ?

BÀI 11

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TA TỪ THẾ KỶ I ĐẾN THẾ KỶ VI

Dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung quốc, nhân dân ta không ngừng đấu tranh giành độc lập.

Bọn quan lại đồ hộ đều than thở rằng: « Dân châu Giao hay phản loạn », « Dân châu Giao có tập tục khác Trung quốc, rất khó cai trị ». Không chịu cúi đầu làm nô lệ cho bọn xâm lược nước ngoài, nhân dân ta nhiều lần anh dũng vùng dậy, vũ trang chống ách thống trị của chúng.

Đáng chú ý nhất là hai cuộc khởi nghĩa Triệu Thị Trinh và Lý Trường Nhân.

1. Khởi nghĩa Triệu Thị Trinh (248)

Triệu Thị Trinh là em gái *Triệu Quốc Đạt*, một thủ lĩnh có uy tín ở quận Cửu chân (miền núi

Nửa huyện Triệu sơn, Thanh hóa). Người con gái có sức khỏe lạ thường ấy lại rất dũng cảm, mưu trí và có

chí lớn khác người. Cầm thù quân giặc cướp nước, hại dân, *Triệu Thị Trinh* đã cùng anh chiêu mộ nghĩa quân, lên núi Nứa mài gươm luyện võ chờ ngày nổi dậy. Có người can ngăn, *Triệu Thị Trinh* khẳng khái đáp: « Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp người ta ».

Năm 248, hai anh em *Triệu Thị Trinh* đem quân tấn công các quận huyện. Được nhân dân khắp vùng hưởng ứng, nghĩa quân đánh đâu thắng đấy. Quân Ngô rất hoảng sợ. Mặc áo giáp đồng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, *Triệu Thị Trinh* cưỡi đầu voi dẫn quân ra trận, oai phong lẫm liệt. Gặp Bà tướng trẻ chỉ huy chiến đấu hết sức gan dạ và mưu trí, quân Ngô hồn kinh vía bạt phải thốt lên những câu:

« *Hoành qua đường hồ di*

Đồi diện Bà vương nan »

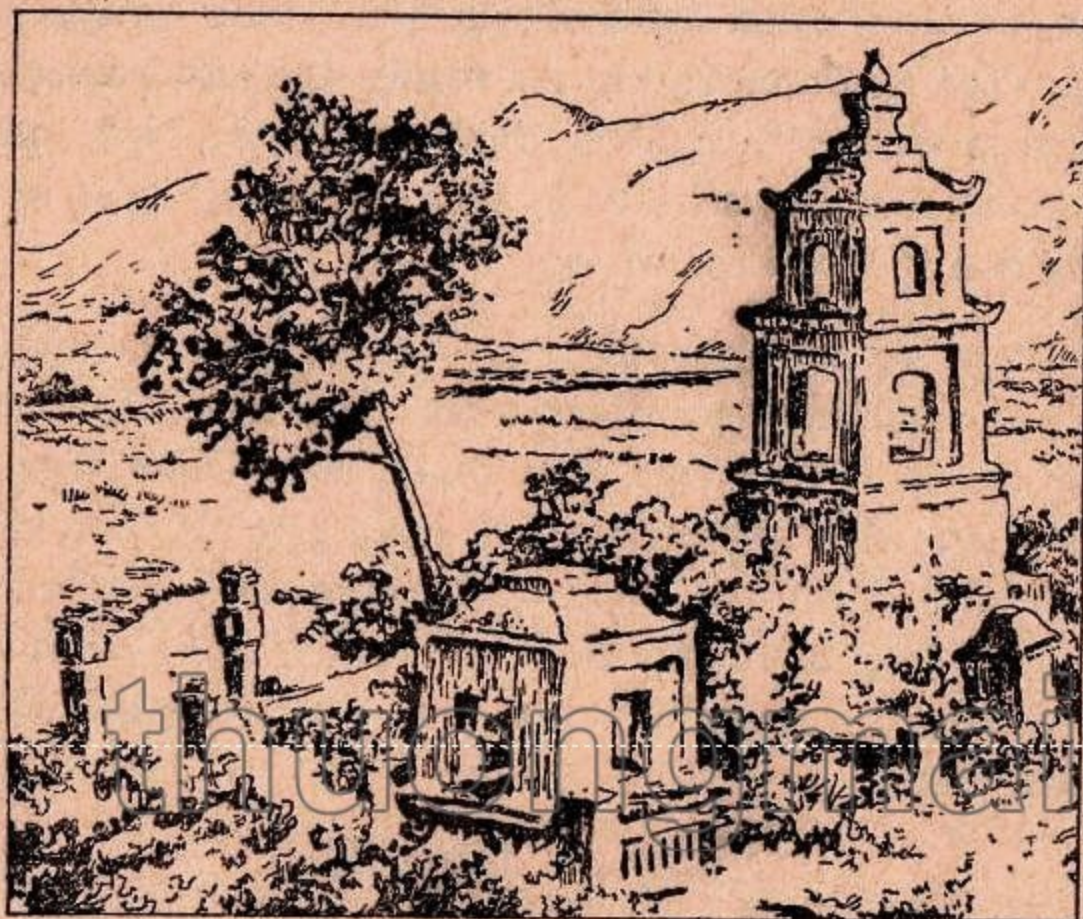
nghĩa là:

Vung giáo chồng hồ dễ,

Giáp mặt vua Bà khó !

Sau *Triệu Quốc Đạt* chết, *Triệu Thị Trinh* được nghĩa quân tôn làm chủ tướng, xưng làm Nhụy kiều tướng quân. Nghĩa quân tiếp tục đánh thắng quân Ngô nhiều trận nữa và đã giết được thứ sử châu Giao. Nhà Ngô lo sợ sai *Lục Dận*, đem 8 000 quân sang đàn áp. *Lục Dận* là một người rất xảo quyệt. Sau mấy trận giao chiến bị thua liểng xiểng, y quay ra dùng chức tước để mua

chuộc và dọa dẫm để dụ hàng. Song Triệu Thị Trinh không hề nao núng, càng tấn công giặc mạnh hơn. Thầy không thể khuất phục được người con gái



Lăng Bà Triệu (Thanh hóa)

nước Nam kiên cường ấy, Lục Dận một mặt ra sức trấn áp nhân dân, mặt khác dùng tiền của mua chuộc các thủ lĩnh. Cuối cùng bị bao vây riết quá, Triệu Thị Trinh đã tự tử để tỏ rõ chí khí bất khuất. Hiện nay ở xã Phú diên, huyện Hậu lộc, tỉnh Thanh hóa có đền thờ Triệu Thị Trinh và trên núi Tùng phía trước mặt đền có mộ của Bà.

Trong nhân dân ta còn lưu truyền câu ca dao nói lên lòng tôn kính và sự ủng hộ của nhân dân đối với Bà Triệu :

« Ru con, con ngủ cho lành,
Đề mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi Bà Triệu tướng cưỡi voi đánh công! »

2. Khởi nghĩa Lý Trường Nhân (468 — 485)

Lý Trường Nhân là một hào trưởng châu Giao. Tháng 3 năm 468, nhân lúc thứ sử châu Giao chết, Lý Trường

Nhân đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy giết hết bọn quan quân đô hộ, rồi tự xưng là thứ sử. Các thứ sử do nhà Tống cử sang đều bị Lý Trường Nhân chống đánh. Sau Lý Trường Nhân sai người sang Trung quốc « xin hàng », nhưng thực tế là vẫn cai quản công việc châu Giao. Vài năm sau, Lý Trường Nhân chết, em họ là Lý Thúc Hiền lên thay. Nhà Tống không chịu công nhận Lý Thúc Hiền, nhưng nhờ nhân dân ủng hộ, Lý Thúc Hiền vẫn giữ được châu Giao. Sau nhà Tề lên thay nhà Tống buộc phải công nhận Lý Thúc Hiền là thứ sử châu Giao. Đến năm 485, sau khi củng cố lực lượng, nhà Tề đã mở một cuộc tấn công quy mô, và chiếm lại được châu Giao. Tuy cuối cùng thất bại, cuộc khởi nghĩa Lý Trường Nhân đã đánh đuổi được quân đô hộ ra khỏi đất nước trong một thời gian khá dài, đánh dấu một bước tiến mới trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.

CÂU HỎI

1. Tại sao ta có thể nói rằng : Từ sau khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bị đàn áp nhân dân ta vẫn không ngừng nổi dậy đấu tranh giành độc lập ?
2. Thuật lại cuộc khởi nghĩa Triệu Thị Trinh. Cuộc khởi nghĩa đó đã nói lên điều gì ?

BÀI 12

KHỞI NGHĨA LÝ BÍ VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VẠN XUÂN

1. Ách đô hộ của phong kiến nước ngoài

Khoảng đầu thế kỷ VI nước ta bị nhà Lương đô hộ. Tiêu Tư, thứ sử châu Giao bây giờ là người rất tham lam, tàn bạo.

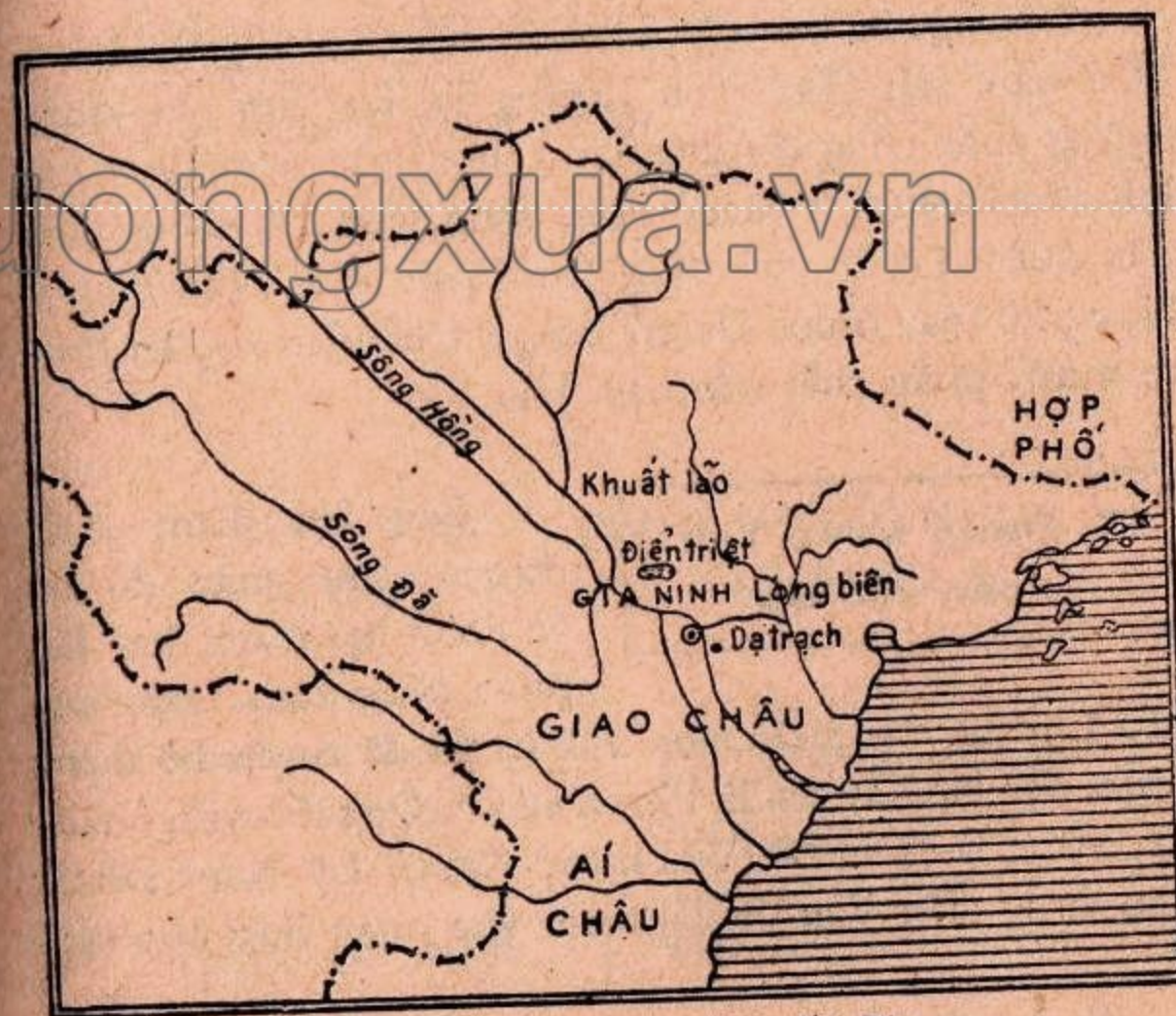
Nhân dân ta khổ cực trăm đường vì các thứ thuế má nặng nề : trồng cây dâu cao 1 thước⁽¹⁾ cũng phải đóng thuế. Nhiều người phải bán vợ đợ con lấy tiền nộp thuế mà cũng vẫn không đủ. Thậm chí bán vợ đợ con cũng phải nộp thuế. Nhân dân cực khổ, sống không nổi, chỉ chờ thời cơ vùng lên đánh đổ chính quyền đô hộ. Các quý tộc phong kiến người Việt cũng rất bất bình vì bị khinh rẻ, ngược đãi. Tinh Thiều là người học giỏi, văn hay cũng chỉ được giữ chân coi cổng thành. Nhiều người có tài văn võ cũng chỉ được làm những chức quan nhỏ.

(1) Một thước khi ấy bằng 20 — 30cm.

2. Lý Bí hiệu triệu nhân dân nổi dậy

Lý Bí quê ở Long hưng (Thái bình) là người có tài văn võ, có lòng yêu nước thương dân. Ông đã

ra làm một chức quan nhỏ với nhà Lương ít lâu, song thấy rõ cảnh lầm than cơ cực của nhân dân ông càng căm ghét bè lũ đô hộ. Ông bỏ quan, về quê mưu khởi nghĩa đánh đổ ách đô hộ của phong kiến nước ngoài, giành độc lập cho đất nước. Ông đã liên kết được nhiều hào kiệt các châu, cùng nhau bàn mưu tính kế, chiêu mộ nghĩa binh, tích trữ lương thực...



Bản đồ: Cuộc khởi nghĩa Lý Bí

Mùa xuân năm 542 Lý Bí phát cờ nổi dậy. Cha con Triệu Túc ở Chu diên (Hà tây và Nam hà cũ) đã đem quân hưởng ứng trước tiên. Tinh Thiều cũng theo Lý Bí nổi dậy. Nhân dân và hào kiệt các nơi sôi nổi hưởng ứng. Trong vòng vài tháng nghĩa quân đã làm chủ được hầu hết các châu quận. Trước khí thế bừng bừng của cuộc khởi nghĩa, thứ sử Tiêu Tư run sợ vội vã bỏ thành Long biên, rút chạy về nước. Bước đầu khởi nghĩa đã thắng lợi.

Vài tháng sau, nhà Lương cho quân phản công hòng chiếm lại nước ta. Nghĩa quân đã chiến đấu rất anh dũng đánh tan quân xâm lược.

Nhưng nhà Lương vẫn chưa chịu bỏ mộng xâm lược. Đầu năm sau (543) vua Lương lại hạ lệnh cho quân tướng phản công lần thứ hai. Lúc này bọn tướng tá chỉ huy vừa khiếp sợ vừa mỏi mệt, dùng dằng mãi không dám tiến quân. Lý Bí chủ động đem quân đón đánh địch ở Hợp phồ (nay thuộc Quảng đông). Quân Lương lại thua to mười phần chết đến bảy, tám.

3. Dựng nước Vạn xuân độc lập

Sau khi đánh đuổi được quan quân đô hộ và đánh bại được hai lần phản công xâm lược của nhà Lương, đầu xuân năm 544 Lý Bí đã tuyên bố dựng nước độc lập, lấy tên là Vạn Xuân⁽¹⁾. Ông lên ngôi hoàng đế, xưng là Nam Đế (Vua nước Nam). Lý Nam Đế đã cho dựng điện Vạn thọ làm nơi vua quan họp bàn việc

(1) Vạn mùa xuân, có ý nghĩa mong muốn đất nước bền vững dài lâu.

nước và cất đặt các chức quan văn võ trong triều. Phạm Tu là một tướng tài trong cuộc chiến đấu giành độc lập được cử đứng đầu hàng quan võ. Tinh Thiều văn hay chữ tốt được cử đứng đầu các quan văn. Lý Nam Đế còn cho dựng một ngôi chùa mới đặt tên là chùa Khai quốc (mở nước)⁽¹⁾ và đã ban sắc phong thần cho Bà Triệu để tưởng nhớ vị nữ anh hùng ngày trước. Những việc làm đó của Lý Nam Đế nói lên ý chí độc lập và lòng tự hào dân tộc của nhân dân ta.

CÂU HỎI

1. Cuộc khởi nghĩa Lý Bí đã nổ ra trong hoàn cảnh nào? Lý Bí đã làm những việc gì để chuẩn bị khởi nghĩa?
2. Cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ và diễn biến thắng lợi như thế nào? Tại sao đã thắng lợi? (nêu ví dụ cụ thể để chứng minh).
3. Lý Bí đã làm những việc gì sau khi đánh đuổi được quân đô hộ? Những việc làm đó nói lên tinh thần yêu nước và ý chí độc lập của nhân dân ta như thế nào?

BÀI 13

CUỘC KHÁNG CHIẾN GIỮ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VẠN XUÂN

1. Cuộc xâm lược của Nhà Lương

Hơn một năm sau khi Lý Bí dựng nước Vạn xuân, nhà Lương lại phái quân sang xâm lược. Bấy giờ thế giặc rất mạnh, Lý Nam Đế đem quân đánh

(1) Nay là chùa Trần quốc bên bờ Hồ Tây (Hà nội).

địch mấy lần không thắng. Tướng Phạm Tu bị tử trận. Lý Nam Đề phải lui vào miền Khuất lão (vùng núi Tam đảo) tìm cách chống cự lâu dài. Được sự ủng hộ của nhân dân miền núi, Lý Nam Đề đã chiêu mộ thêm được nhiều quân lính, thu được nhiều lương thực. Lực lượng nghĩa quân lớn mạnh nhanh chóng. Cuối năm 546, Lý Nam Đề kéo hàng vạn quân ra đóng ở vùng hồ Điển triệt (Đầm Vạc — Vĩnh phú), uy hiếp quân Lương. Thuyền chiến lớn nhỏ của ta san sát đậu kín mặt hồ. Quân Lương lo sợ không dám làm gì. Nhưng một đêm mưa to gió lớn, nước sông dâng cao chảy như rót vào hồ. Quân Lương thừa dịp đó theo dòng nước tiến vào đánh úp ta. Quân ta đã chiến đấu rất dũng cảm, nhưng không giữ được lâu. Lý Nam Đề lại phải lui vào miền núi ẩn náu. Ông trao lại binh quyền cho Triệu Quang Phục và đến năm 548 ông mất.

2. Triệu Quang Phục và căn cứ Dạ Trạch

lập được nhiều chiến công. Trước tình hình địch lúc đó còn mạnh, Triệu Quang Phục liệu thề không thể đánh thắng ngay được. Ông lui quân về đồng bằng, lập căn cứ ở Dạ Trạch, nuôi dưỡng lực lượng chờ cơ hội đánh địch.

Dạ Trạch (bãi Mản trò, Hải hưng) là một vùng đồng lầy rộng mênh mông, lau sậy mọc um tùm, ở giữa có bãi đất nổi có thể ở được.

Đường đi vào bãi rất kín đáo, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc nhẹ lướt trên đám cỏ nước thì mới tới được.

Triệu Quang Phục là con trai Triệu Túc. Ông đã cùng cha theo Lý Bí khởi nghĩa từ đầu và đã

Được nhân dân hết lòng ủng hộ, Triệu Quang Phục đã bí mật đem hơn một vạn quân vào đóng ở bãi này. Ban ngày nghĩa quân tắt hết khói lửa, im hơi lặng tiếng như không có người ở. Đêm đến nghĩa quân mới từ bãi nổi chèo thuyền ra đánh úp trại quân địch. Quân Lương bị thiệt hại nhiều phen, kéo đến bao vây Dạ Trạch nhưng không làm sao vào được. Càng tập trung quân vây Dạ Trạch, quân Lương càng bị giết hại, lương thực vũ khí hao cạn dần. Ngược lại lực lượng nghĩa quân ngày càng được củng cố lớn mạnh. Nghe tin Lý Bí mất, Triệu Quang Phục tự xưng là *Triệu Việt Vương*, ra sức tiến đánh quân Lương. Năm 550 nhân lúc tình hình Trung quốc rối loạn, Triệu Việt Vương mở một cuộc tấn công lớn, giết được tướng địch và chiếm lại Long biên. Một lần nữa nhân dân ta đã đánh đuổi được giặc ngoại xâm, giành lại độc lập.

3. Nước Vạn xuân ở cuối thế kỷ VI

Sau cuộc kháng chiến chống quân Lương thắng lợi, Triệu Việt Vương và nhân dân ta tiếp tục xây dựng và củng cố nền độc lập. Triệu Việt Vương làm vua được 20 năm (571) thì bị *Lý Phật Tử*, một viên tướng cùng họ với Lý Bí cướp ngôi. Lý Phật Tử lên làm vua gọi là *Hậu Lý Nam Đề*. Đầu thế kỷ VII, sau khi đã thống nhất Trung quốc, nhà Tùy muốn đặt lại ách đô hộ ở Vạn xuân. Vua Tùy đòi Hậu Lý Nam Đề sang chầu. Hậu Lý Nam Đề thoái thác không nghe. Thề là Nhà Tùy đem quân xâm lược Vạn xuân. Hậu Lý Nam Đề

chồng cự không được. Đất nước ta lại rơi vào ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.

CÂU HỎI

1. Em hãy thuật lại cuộc kháng chiến giữ nước của nhân dân Vạn xuân dưới sự lãnh đạo của Lý Nam Đế (tìm những chi tiết nói lên tinh thần chiến đấu, ý chí độc lập của nhân dân ta).
2. Em biết gì về căn cứ Dạ Trạch và cuộc kháng chiến của nhân dân Vạn xuân dưới sự lãnh đạo của Triệu Quang Phục?

CHƯƠNG THỨ TƯ

ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP TRONG CÁC THẾ KỶ VII—X

BÀI 14

NƯỚC VẠN XUÂN TỪ THẾ KỶ VII ĐẾN THẾ KỶ X

1. Ách đô hộ của triều đại phong kiến Tùy — Đường

Từ sau thất bại của Lý Phật Tử (602) đất nước ta lại rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. Nhà

Tùy rồi nhà Đường đã tìm mọi cách để củng cố nền thống trị của chúng trên đất nước ta. Nhà Đường đã lập Giao châu đô hộ phủ, sau đổi là *An nam đô hộ phủ*⁽¹⁾ và tổ chức lại bộ máy cai trị để kiểm soát chặt chẽ và đàn áp bóc lột nhân dân ta. Bọn quan lại đô hộ còn ra sức xây thành đắp lũy, mở mang đường sá và củng cố lực lượng quân sự để đối phó với phong trào đấu tranh của nhân

(1) *Đô hộ phủ* là cơ quan cai trị các nước lệ thuộc nhà Đường.

dân ta⁽¹⁾. Trong các việc xây thành, làm đường, đắp lũy này nhân dân ta đã phải bỏ cả sản xuất để đi phu phục dịch rất vất vả, khổ sở.



Bản đồ: Việt nam thế kỷ VII – IX

(1) Phủ thành Tống bình (tức Hà nội) được đắp đi sửa lại 3 lần. Các đường giao thông thủy bộ từ Trung quốc sang ta và từ Tống bình đi các địa phương được sửa sang và xây đắp thêm.

Cũng như các triều đại phong kiến phương Bắc trước đây, nhà Tùy và nhà Đường vẫn bóc lột nhân dân ta bằng công nạp. Hàng năm nhân dân ta phải công nạp trăm hương, vải vóc... Quả ngon vật lạ như vải, nhãn, cam, chuối... mật trăn, da cá... cũng phải công nạp. Ngoài ra nhân dân ta còn phải nộp nhiều thứ thuế: thuế hộ khẩu, thuế muối, thuế sắt, thuế ngọc, thuế bông, v.v... Thuế của nhà Đường đã nặng, bọn quan cai trị còn tự ý thu thêm làm của riêng khiến cho nhân dân ta càng thêm nghèo đói, lầm than.

Bọn quan cai trị còn đua nhau chiếm đoạt nhiều ruộng đất làm trại ấp riêng khiến cho một bộ phận khá lớn nhân dân ta không có ruộng đất cày cấy sinh sống. Họ phải đem thân làm nông nô hoặc nô tỳ. Nông nô, phải làm việc cực khổ trong các trại ấp của phong kiến địa chủ. Nô tỳ phải phục dịch hầu hạ bọn chủ.

2. Nhân dân ta cần cù lao động phát triển sản xuất, giữ gìn văn hóa dân tộc

Bị bóc lột hết sức nặng nề, lại bị thiên tai và nạn xâm lấn của các nước Chăm-pa, Nam chiểu đe dọa thường xuyên, nhân dân ta vẫn dũng cảm đấu

tranh cần cù lao động. Vì thế nền kinh tế nước ta tuy có lúc bị tàn phá nghiêm trọng nhưng vẫn có những tiền bộ mới.

Về nông nghiệp, việc trồng lúa hai mùa, trồng khoai lang và các loại hoa màu khác ngày càng được mở rộng. Việc trồng dâu, trồng bông, đặc biệt là trồng dâu nuôi

tầm, ươm tơ rất phát triển. Rau và cây ăn quả cũng được trồng nhiều hơn.

Về chăn nuôi, ngoài các loại gia súc, gia cầm nhân dân ta còn nuôi ngựa để thổ và cưỡi, nuôi công để lấy lông làm quạt.

Những nghề thủ công nổi tiếng từ xưa của ta như nghề làm đồ gốm, nghề đan mây, nhất là nghề dệt tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Lụa, lĩnh, sa the, gấm vóc của ta lúc này đã nổi tiếng là bền và đẹp.

Những đường giao thông được mở mang, giúp cho việc lưu thông hàng hóa được dễ dàng hơn. Thuyền bè Trung quốc và các nước khác như Ấn độ, Ja-va, Ba-tư thường ghé vào đất nước ta buôn bán.

Thời Đường nền văn hóa Trung quốc rất phát đạt, và có ảnh hưởng tới nhiều nước khác. Bọn quan cai trị ở nước ta đã mở thêm nhiều trường học để hòng nô dịch nhân dân ta thêm một bước. Nhưng nhân dân ta chỉ tiếp thu những điểm hay, điểm đúng làm giàu thêm cho nền văn hóa của mình.

CÂU HỎI

1. Chánh sách đô hộ và bóc lột của nhà Đường có gì giống và khác với chánh sách của các triều đại phong kiến phương Bắc trước kia? Những chánh sách đó đã ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân ta và xã hội ta như thế nào?
2. Tình hình kinh tế của nước ta trong các thế kỷ VII — VIII đã có những tiền bộ như thế nào? Do đâu mà có những tiền bộ đó?

BỐN CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN CỦA NHÂN DÂN TA TRONG CÁC THẾ KỶ VII — IX

Trong suốt ba thế kỷ bị nhà Đường đô hộ, nhân dân ta không ngớt nổi dậy đấu tranh giành độc lập. Bốn cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kỳ này là : Khởi nghĩa Lý Tự Tiên và Đinh Kiến (687). Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722), khởi nghĩa Phùng Hưng (766 — 791) và khởi nghĩa Dương Thanh (819 — 820).

1. Khởi nghĩa Lý Tự Tiên và Đinh Kiến (687)

Theo quy định của nhà Đường, các dân tộc thiểu số chỉ phải nộp 1/2 số tô theo phép quy định chung. Nhưng viên quan

đô hộ Lưu Diên Hựu đã bắt dân phải nộp cả số tô. Nhân dân hết sức căm phẫn. Vì thế, năm 687 nhân dân các dân tộc ở miền ngược nước ta đã nổi dậy dưới sự lãnh đạo của Lý Tự Tiên. Lưu Diên Hựu đem quân đàn áp giết chết Lý Tự Tiên. Một thủ lĩnh khác là Đinh Kiến tiếp tục lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân phát triển mạnh, đã có lần kéo đến bao vây phủ thành Tống bình (Hà nội). Quan quân đô hộ ở trong thành hoang mang lo sợ, không dám chống cự lại, chỉ đắp lũy cầm cự chờ quân cứu viện. Nghĩa quân đã phá được phủ thành, giết Lưu Diên Hựu. Nhưng sau đó viện binh của nhà Đường ồ ạt kéo sang. Đinh Kiến bị chúng giết chết, nghĩa quân dần dần tan vỡ.

2. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722)

Mai Thúc Loan quê ở Mai phụ, một làng ở ven biển⁽¹⁾ sau đổi lên ở miền núi. Nhà nghèo, từ

nhỏ Mai Thúc Loan đã phải theo mẹ vào rừng đẵn củi, đem bán lấy tiền đóng gạo. Lớn lên lại phải đi ở cho nhà giàu, chăn trâu cày ruộng. Mai Thúc Loan rất sáng dạ, chỉ thoáng nghe người khác đọc bài, xem người khác viết là đã thuộc bài và nhận được mặt chữ. Ông lại có sức khỏe phi thường, nổi tiếng là người giỏi vật cả một vùng. Dưới ách đô hộ của nhà Đường, Mai Thúc Loan, cũng như mọi người dân khác phải đi phu phục dịch bọn quan lại đô hộ rất vất vả mà lại còn bị đánh đập rất tàn nhẫn.

Một ngày mùa hè oi ả năm 722, Mai Thúc Loan cùng đoàn phu phải đi gánh quả vải nộp công cho nhà Đường. Giữa đường Mai Thúc Loan lên tiếng chửi mắng, kể tội bọn đô hộ, và hô hào mọi người gánh vải trở về, không đem nộp công nữa. Mọi người nghe theo, đồng lòng nổi dậy chống lại chánh quyền đô hộ. Hàng trăm người của các phường săn và trai tráng các làng quanh vùng cũng kéo đến hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Thề lực nghĩa quân ngày một mạnh. Mai Thúc Loan đã chọn vùng Sa nam có núi cao rừng rậm, nằm bên bờ sông Lam ở khúc hiểm sâu, để làm căn cứ chống cự lâu dài. Mai Thúc Loan tự xưng hoàng đế tục gọi là *Mai Hắc Đế* (vua đen họ Mai), Mai Hắc Đế còn liên kết được với tù trưởng và nhân

dân thiểu số ở các châu và các nước láng giềng phương nam (Lâm ấp, Chân Lạp). Nghĩa quân đã tiến ra Bắc tấn công phủ thành Tống bình. Bọn quan quân đô hộ phải bỏ thành chạy tháo thân về nước. Đất nước được giải phóng hoàn toàn, nhân dân khắp nơi nô nức theo Mai Hắc Đế, quân lính đông tới hàng chục vạn người.

Nhưng ít lâu sau, nhà Đường đã tập trung được 10 vạn quân để đàn áp cuộc khởi nghĩa. Quân Đường theo đường hiểm bắt thành linh tiến đánh thẳng vào căn cứ của nghĩa quân ở châu Hoan. Mai Hắc Đế không kịp điều phó, bị thua phải rút vào rừng rồi chết. Quân xâm lược đã tàn sát nhân dân ta rất dã man. Chúng đã chặt xác những người bị chết đắp thành gò cao hồng tiêu diệt tinh thần đấu tranh của nhân dân ta. Nhưng ngược lại, tội ác này chỉ làm tăng thêm lòng căm thù của nhân dân ta đối với quân xâm lược mà thôi.

Ngày nay dưới chân núi Đụn (Nam đàn, Nghệ tĩnh) vẫn còn mộ và đền thờ Mai Hắc Đế.

3. Khởi nghĩa Phùng Hưng (766 — 791)

Từ cuối thế kỷ VIII, tình hình Trung quốc không còn yên ổn như trước. Nhà Đường không

thể kiểm soát chặt chẽ các đất ở xa như cũ. Lợi dụng tình hình ấy, bọn quan lại đô hộ đã tự ý tăng tô thuế để vơ vét làm giàu riêng. Viên quan đô hộ nước ta bây giờ là Cao Chính Bình đánh thuế rất nặng. Nhân dân ta vì thế lại càng cực khổ hơn trước. Tầng lớp phong kiến người Việt cũng rất bất bình.

(1) Mai phụ bây giờ thuộc châu Hoan, nay là huyện Thạch hà, Nghệ tĩnh.

Phùng Hưng là một quan lang ở Đường lâm (nay là xã Cam lâm, Ba vì, Hà sơn bình) có sức khỏe vật nổi trâu, đánh được cọp. Phùng Hưng lại có lòng thương người,



Đền Phùng Hưng (Hà sơn bình)

hay giúp đỡ kẻ khó. Nhân dân quanh vùng rất mến phục. Năm 766, nhân lúc quân lính ở phủ thành Tống bình nổi dậy chống bọn đô hộ, Phùng Hưng đã cùng em là *Phùng Hải* lãnh đạo nhân dân nổi dậy. Nghĩa quân đã làm chủ được Đường lâm rồi đánh chiếm cả một miền rộng lớn ở địa phương để làm căn cứ chống với quân Đường. Năm 791, Phùng Hưng kéo quân xuống phủ thành Tống bình hỏi tội Cao Chính Bình. Cao Chính Bình hoảng sợ, chỉ cò thủ trong thành và cầu cứu viện binh từ

Trung quốc sang. Phùng Hưng cho quân bao vây phủ thành, dùng kẻ nghi binh đêm vây, ngày thả, chiêu trông đồn đập khua vang từng đợt. Cao Chính Bình chờ mãi không thấy viện binh, đem quân ra đánh, bị thua to, lo sợ quá sinh bệnh mà chết. Phùng Hưng chiếm được phủ thành, sắp đặt mọi việc với ý định xây dựng một quốc gia độc lập. Được ít lâu, Phùng Hưng chết, nhân dân rất thương tiếc, lập đền thờ và tôn là *Bồ cái đại vương*, có ý coi ông như bậc cha mẹ.

Phùng An, con Phùng Hưng lên nối nghiệp cha lại đem quân đánh nhau với Phùng Hải. Lực lượng quân ta vì thế bị suy yếu. Đến khi viện binh nhà Đường sang đánh, Phùng An không chống nổi, phải đầu hàng. Sau khi đã đàn áp được cuộc khởi nghĩa, bọn quan đô hộ nhà Đường đã tăng thêm quân, đắp thêm thành hào củng cố ách thống trị của chúng. Nhưng không thành quách nào có thể ngăn cản làn sóng đấu tranh của nhân dân ta.

4. Khởi nghĩa Dương Thanh (819 — 820)

Dương Thanh là một thủ lĩnh người Việt, có tài và có chí lớn. Được cử làm thứ sử châu Hoan

(Nghệ tĩnh), Dương Thanh vẫn nuôi lòng căm ghét chế độ đô hộ, chỉ chờ thời cơ nổi dậy. Để dễ bề kiểm soát ông, viên quan đô hộ Lý Tự Trọng Cổ lại cử Dương Thanh giữ một chức quan võ ở ngay phủ thành Tống bình, Dương Thanh càng căm thù quân giặc và mưu tính khởi nghĩa.

Năm 819 Lý Tự Trọng Cổ sai Dương Thanh đem 3 000 quân đi đàn áp nhân dân Tày, Nùng ở miền Tả

Hữu giang (vùng Cao bằng cũ và vùng Quảng tây — Trung quốc). Thừa dịp, Dương Thanh đã kêu gọi binh lính quay lại tập kích phủ thành Tống bình. Nghĩa quân giết được Lý Tự Trọng Cồ cùng bọn tay chân của hắn, rồi chiếm được cả phủ thành. Vua Đường dùng mưu kế xảo quyệt, định mua chuộc Dương Thanh bằng cách cử ông làm thứ sử châu Quỳnh (trong đảo Hải nam). Dương Thanh không mắc mưu đó, kiên quyết giữ vững thành Tống bình. Nhà Đường cử viên quan độ hộ mới sang dùng tiền của mua chuộc một số thủ lĩnh và binh lính. Dương Thanh bị cô lập, không giữ được thành, cuối cùng bị bắt. Bọn quan lại nhà Đường đã giết Dương Thanh và cả họ hàng nhà ông để trả thù và uy hiếp tinh thần nhân dân ta. Nhưng sau cuộc khởi nghĩa Dương Thanh, nhiều cuộc khởi nghĩa khác vẫn không ngớt nổ ra.

NHẬN XÉT CHUNG

Suốt ba thế kỷ bị nhà Đường đô hộ, nhân dân ta đã không ngớt nổi dậy đấu tranh giành độc lập. Các cuộc khởi nghĩa đã nổ ra khắp nơi, từ miền ngược đến miền xuôi và đã bao gồm được mọi tầng lớp nhân dân. Phong trào còn mang tính chất tiên công cao, các cuộc khởi nghĩa phát triển dần thành chiến tranh giải phóng dân tộc, đánh vào tận sào huyệt của quân địch làm cho lực lượng địch tan rã nhanh chóng. Các cuộc khởi nghĩa trong thời kỳ này tuy cuối cùng đều bị thất bại, nhưng đã làm cho nền thống trị của nhà Đường thêm suy yếu. Các cuộc khởi nghĩa đó cũng chứng tỏ rằng ý thức đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta ngày càng phát triển mạnh mẽ và sâu rộng.

CÂU HỎI

1. Thuật lại những cuộc khởi nghĩa lớn của nhân dân ta trong thời thuộc Đường. Làm bảng hệ thống những niên đại và đặc điểm của các cuộc khởi nghĩa nói trên.
2. Nêu những thí dụ cụ thể để chứng minh nhận định: «Các cuộc khởi nghĩa đã nổ ra khắp nơi từ miền ngược đến miền xuôi, và đã bao gồm được mọi tầng lớp nhân dân».

BÀI 16

CUỘC VẬN ĐỘNG TỰ CHỦ CỦA HỌ KHÚC VÀ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ

1. Họ Khúc dựng quyền tự chủ

Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng ở Hồng châu (Ninh giang — Hải hưng). Họ Khúc là một họ lớn, có uy tín ở trong vùng. Giữa năm 905, nhân lúc nhà Đường suy yếu và bọn quan lại cai trị ở nước ta lục đục, Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy, tự xưng là *Tiết độ sứ*, nhân dân khắp nơi đồng lòng ủng hộ. Nhà Đường buộc lòng phải công nhận một việc đã rồi (906).

Bề ngoài, Khúc Thừa Dụ vẫn phải nhận chức quan do nhà Đường ban cho, nhưng thực ra ông đã giành được quyền độc lập.

Nền đô hộ của phong kiến nước ngoài đến đây thực tế đã chấm dứt.

Được hai năm thì Khúc Thừa Dụ mất. Con là *Khúc Hạo* lên nối nghiệp cha. Phát huy ý chí tự cường của cha,

Khúc Hạo lo ngay việc xây dựng một nước độc lập. Ông sửa đổi các khu vực hành chính, đặt quan cai trị đến cấp xã, định lại mức tô thuế ruộng đất, lại miễn cả việc đi phu để giảm nhẹ gánh nặng cho nhân dân. Bộ mặt đất nước ta bước đầu chuyển biến, đời sống nhân dân có phần dễ chịu hơn trước.

2. Cuộc xâm lược của Nam Hán

Trong khi ở nước ta, họ Khúc nổi dậy xây dựng nền tự chủ, thì ở Quảng châu (Quảng đông) một

Tiết độ sứ cũng chiếm cứ vùng này, lập nước *Nam Hán*. Lúc đầu, Nam Hán có quan hệ bình thường với ta nhưng về sau lại âm mưu xâm chiếm đất nước ta.

Khúc Hạo mất (năm 917), con là *Khúc Thừa Mỹ* lên thay. Khúc Thừa Mỹ sai sứ sang giao thiệp với nhà *Hậu Lương* (lúc đó đã thay nhà Đường) để có chỗ dựa chống lại Nam Hán.

Năm 930 vua Nam Hán sai tướng đem quân sang đánh nước ta. Khúc Thừa Mỹ bị bắt đưa về Nam Hán.

Nhà Nam Hán cử Lý Tiên sang cai trị châu Giao và đóng quân chiếm giữ Tống bình.

3. Họ Dương khôi phục quyền tự chủ

Tuy Khúc Thừa Mỹ bị bắt, nhưng quân dân ta không chịu khuất phục. Một tướng cũ của Khúc

Hạo là *Dương Đình Nghệ*, quyết chí tiếp tục sự nghiệp giành quyền độc lập cho đất nước. Dương Đình Nghệ, người châu Ái (Thanh hóa ngày nay) là người rất khảng

khái, có lòng yêu nước, thương dân. Ông đã mở lò võ, lò vật, chiêu mộ nhân tài, chuẩn bị lực lượng tổng cổ quân Nam Hán xâm lược. Ông nuôi luyện được 3 000 quân sĩ giỏi võ nghệ làm « quyết tử quân ». Mùa xuân năm 931 Dương Đình Nghệ đem đoàn « quân quyết tử » đó tiến ra Bắc, bao vây Tống bình. Bọn Lý Tiên không chống cự nổi, phải bỏ chạy về nước. Vua Nam Hán phải binh tiếp viện, nhưng quân ta đã chiến đấu mãnh liệt, tiêu diệt bọn xâm lược, chém chết tướng chỉ huy quân tiếp viện của địch.

Đất nước ta lại giành được quyền tự chủ.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu sự nghiệp của họ Khúc và nói rõ công lao của họ Khúc đối với đất nước ta?
2. Dương Đình Nghệ đã đánh bại quân xâm lược Nam Hán như thế nào?

BÀI 17

NGÔ QUYỀN VÀ CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG

1. Kiều Công Tiễn phản bội. Nam Hán mưu xâm lược nước ta một lần nữa

Dương Đình Nghệ khôi phục được đất nước, tự xưng là *Tiết độ sứ*. Năm 937, Dương Đình Nghệ bị một tướng của mình là Kiều Công Tiễn

giết chết để cướp quyền.

Ngô Quyền, là tướng và là con rể của Dương Đình Nghệ, bây giờ đang giữ chức trấn thủ ở châu Ái (Thanh hóa) liền kéo quân ra trị tội tên phản bội (938). Kiều Công Tiễn hoảng sợ, sai sứ sang đút lót của cải cho vua Nam Hán để xin cứu viện. Hành động bán nước ấy làm tăng thêm lòng căm giận của nhân dân.

Vồn ôm mộng xâm chiếm nước ta, cuối năm 938, vua Nam Hán sai con là Vạn vương Hoảng Thao kéo thủy quân sang nước ta cứu Kiều Công Tiễn và thực hiện âm mưu cướp nước ta. Vua Nam Hán cũng tự đem quân đến đóng ở sát biên giới nước ta để tiếp viện cho Hoảng Thao.

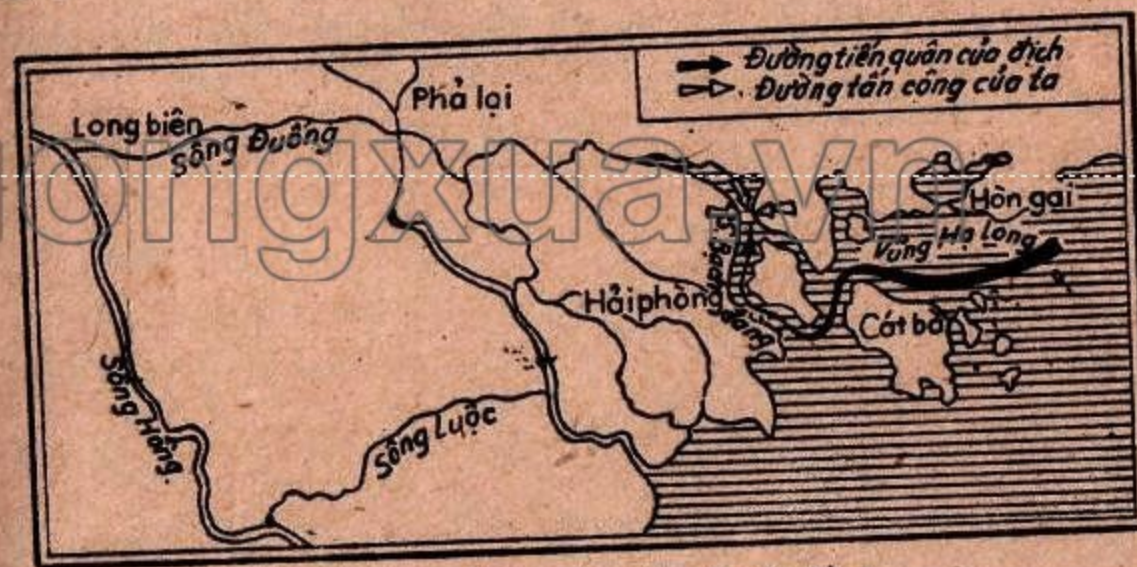
2. Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán trên sông Bạch đằng

Ngô Quyền quê ở Đường lâm (cùng quê với Phùng Hưng) là người có sức khỏe, rất dũng cảm và giàu mưu trí. Khi quân

Nam Hán còn đang ngập ngừng ngoài bờ cõi thì Ngô Quyền đã hạ được thành Đại la (Hà nội) và giết được tên bán nước Kiều Công Tiễn. Ổn định được tình hình trong nước rồi, Ngô Quyền lo ngay việc chống giặc ngoại xâm. Biết quân địch kéo vào nước ta theo đường sông Bạch đằng, Ngô Quyền đã bàn với tướng tá rằng: « Nếu ta sai người đem cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển trước, vạt nhọn đầu và bịt sắt, thuyền của họ nhân khi nước triều lên tiến vào bên trong hàng cọc, bây giờ ta sẽ dễ bề chề ngự. Không có kẻ gì hơn kẻ này cả ». Mọi người đồng lòng tuân theo. Thề là hàng ngàn cây gỗ dài, đầu nhọn và bịt sắt đã được bí mật chuyển về và cắm

đầy lòng sông Bạch đằng tại nơi hiểm yếu gần cửa biển. Ngô Quyền tự mình chỉ huy thủy quân đóng trên sông Bạch đằng, chờ chiến thuyền của địch tới.

Quân Nam Hán do Hoảng Thao cầm đầu ồ ạt kéo sang. Đợi lúc nước thủy triều lên ngập hết bãi cọc, Ngô Quyền cho đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, như quân Nam Hán vào sông Bạch đằng rồi giả vờ thua, rút chạy. Hoảng Thao mắc mưu, thúc quân hăm hở đuổi theo, tưởng phen này tiêu diệt hoàn toàn quân của Ngô Quyền. Đoàn thuyền của địch đã vượt qua trận địa cọc ngầm của ta. Lúc này nước thủy triều dần dần rút xuống. Ngô Quyền hạ lệnh cho toàn quân đánh quật trở lại, khí thế



Trận chiến thắng trên sông Bạch đằng

rất mãnh liệt. Thủy quân Nam Hán hốt hoảng quay đầu chạy. Đền gần cửa biển thì thuyền địch đâm phải cọc nhọn dưới nước bị vỡ và bị đắm rất nhiều. Quân giặc chết đuối đến quá nửa. Quân của Ngô Quyền ập vào đánh dữ dội khiến chúng càng chết nhiều thêm, Hoảng Thao cũng bỏ mạng nơi đây. Thề là đội quân xâm lược hoàn

toàn tan rã. Vua Nam Hán đang điều quân sang tiếp viện cho con, nửa đường nghe tin Hoảng Thao chết trận, vội hạ lệnh thu quân về nước, không dám nghĩ đến chuyện xâm lược nước ta nữa.

Chiến thắng Bạch đằng cuối năm 938 có một ý nghĩa rất quan trọng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Chiến thắng to lớn này chấm dứt hẳn thời kỳ nhân dân ta bị phong kiến nước ngoài đô hộ và mở ra một thời kỳ mới : *thời kỳ độc lập lâu dài của Tổ quốc.*

CÂU HỎI

1. Nhân cơ hội nào Nam Hán lại sang xâm lược nước ta ? Ngô Quyền là ai và đã có công lao như thế nào trong việc chuẩn bị chống quân xâm lược Nam Hán.
2. Em hãy nói cách bố trí trận địa của Ngô Quyền trên sông Bạch đằng. Hãy thuật lại trận đánh ấy.
3. Chiến thắng Bạch đằng có ý nghĩa như thế nào trong lịch sử nước ta ?

CHƯƠNG THỨ NĂM

NƯỚC TA TRONG BUỔI ĐẦU THỜI KỲ GIÀNH LẠI ĐƯỢC ĐỘC LẬP (Ngô — Đinh — Tiền Lê)

BÀI 18

NHÀ NGÔ VÀ MUỜI HAI SỬ QUÂN

1. Nhà Ngô xây dựng đất nước

Chiến thắng Bạch đằng năm 938 đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta trên con đường tiến lên củng cố nền độc lập. Mùa xuân năm 939 Ngô Quyền lên làm vua, tự xưng là *Ngô Vương*. Cổ loa, kinh đô của nước Âu lạc thời An Dương Vương, nay lại được Ngô Quyền chọn làm nơi dựng đô mới. Việc Ngô Quyền xưng vương, cũng như việc định đô ở Cổ loa, đều nói lên ý chí kiên quyết giữ vững nền độc lập của Ngô Quyền và của nhân dân ta.

Ngay sau khi lên làm vua, Ngô Quyền đã lo xây dựng một chính quyền có quy củ chặt chẽ. Ông đặt ra các chức quan văn, quan võ, quy định các nghi lễ trong triều đình

và các màu sắc áo quần cho quan lại các cấp. Các tướng sĩ có công trong cuộc kháng chiến chống xâm lược đều được phong thưởng.

Ngô Quyền ở ngôi vua được 6 năm thì mất (939 — 944). Nhà nước thống nhất mà ông xây dựng chưa có cơ sở vững chắc. Các hào trưởng địa phương, tuy bề ngoài nể sợ uy lực của Ngô Quyền mà tạm thời tỏ thái độ quy phục, song thật sự họ vẫn muốn làm những chúa phong kiến, nắm mọi quyền hành ở các địa phương. Vì vậy, ngay sau khi Ngô Quyền mất, chính quyền của họ Ngô đã bị suy yếu.

2. Mười hai sứ quân chiếm cứ các nơi

Ngô Quyền mất (944), con là Ngô Xương Ngập nối ngôi. Em vợ Ngô Quyền là Dương Tam Kha (con trai Dương Đình Nghệ) được Ngô Quyền nhờ cậy giúp đỡ Ngô Xương Ngập. Nhưng Dương Tam Kha lại đoạt ngai vàng của cháu, tự xưng là Bình Vương. Xương Ngập phải bỏ trốn xuống vùng Nam sách (Hải hưng). Sau em Xương Ngập là Ngô Xương Văn đánh đổ được Dương Tam Kha, giành lại được địa vị (950) và sai người đi đón anh là Xương Ngập về cùng cai trị đất nước.

Bây giờ nhân sự suy yếu của triều Ngô, các chúa phong kiến địa phương bắt đầu nổi lên ở nhiều nơi. Mỗi chúa phong kiến chiếm cứ một vùng (khoảng một vài huyện ngày nay). Các chúa đó còn xây thành, đắp lũy đem quân đánh nhau để chiếm đoạt đất đai của nhau, gây nên tình trạng hỗn loạn trong nước. Anh em Xương

Ngập, Xương Văn lại lục đục với nhau. Năm 954 Xương Ngập chết. Năm 965, trong khi đánh các chúa phong kiến địa phương, Xương Văn cũng bị chết. Thế là triều đình nhà Ngô mất. Cuộc chiến tranh giữa các chúa phong kiến lại càng kịch liệt. Đất nước ta bị phân xẻ thành nhiều khu vực. Mười hai chúa phong kiến lớn chiếm giữ mỗi người một phương và đánh nhau liên miên hết năm này qua năm khác, làm cho nhân dân hết sức lầm than khổ cực. Sử cũ gọi thời kỳ này là « loạn Mười hai sứ quân »⁽¹⁾. Ngoài Mười hai sứ quân lớn, còn rất nhiều bọn chúa đất nhỏ khác cũng nổi dậy.

CÂU HỎI

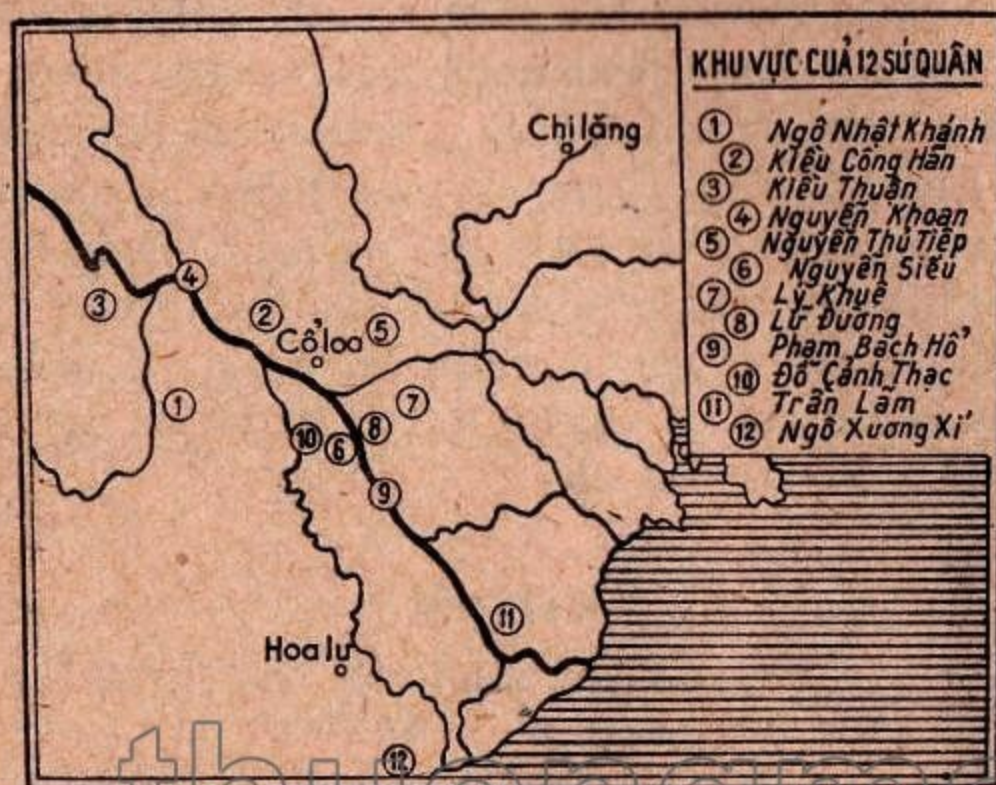
1. Tại sao Ngô Quyền quyết định từ bỏ chức Tiết độ sứ? Việc Ngô Quyền xưng vương có ý nghĩa gì?

(1) Con của Ngô Xương Ngập là Ngô Xương Xi về sau cũng trở thành một trong số Mười hai sứ quân.

Mười hai sứ quân sau đây được chép trong sử cũ là mười hai thế lực phong kiến lớn nhất ở miền đồng bằng:

1. Ngô Nhật Khánh chiếm giữ miền Đường lâm (Hà sơn bình).
2. Kiều Công Hãn — Phong châu (Bạch hạc — Vĩnh phú).
3. Kiều Thuận — Hối hồ (Cầm Khê — Vĩnh phú)
(Kiều Công Hãn và Kiều Thuận là hai anh em ruột, cháu nội Kiều Công Tiễn).
4. Nguyễn Khoan chiếm giữ miền Tam đài (Yên lạc — Vĩnh phú).
5. Nguyễn Thủ Tiệp — Tiên sơn (Hà bắc).
6. Nguyễn Siêu — Phù liệt (Thanh trì — Hà nội).
7. Lý Khuê — Siêu loại (Thuận thành — Hà Bắc).
8. Lữ Đường — chiếm giữ Tề giang (Vân giang — Hải hưng).
9. Phạm Bạch Hổ — Đằng châu (Kim động — Hải hưng).
10. Đỗ Cảnh Thạc — Đỗ động (Thanh oai — Hà sơn bình).
11. Trần Lãm — Bồ hải khẩu (Vũ tiên — Thái bình).
12. Ngô Xương Xi — Bình kiều (Triệu sơn — Thanh hóa).

2. Sau khi Ngô Quyền mất, tình hình biến loạn ở nước ta xảy ra như thế nào?



BÀI 19

ĐÌNH BỘ LĨNH VÀ SỰ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

1. Đình Bộ Lĩnh đánh dẹp Mười hai sứ quân, thống nhất đất nước

Người có công trong việc thống nhất nước ta trong thế kỷ X là Đình Bộ Lĩnh.

Đình Bộ Lĩnh người Hoa Lư (Ninh bình cũ nay thuộc Hà nam ninh) là con của Đình Công Trứ. Công Trứ là tướng của Dương Đình Nghệ sau theo Ngô Quyền, được cử giữ chức

thứ sử châu Hoan (Nghệ tỉnh) Bộ Lĩnh lúc bé thường cùng các trẻ chăn trâu lấy bông lau làm cờ, đánh trận giả rất thông minh. Lớn lên ông là một người chỉ huy quân sự có tài, dũng cảm và mưu trí, ông tụ tập quân lính đóng giữ quê nhà, chiếm cả một vùng chung quanh Hoa Lư. Năm 951, Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Văn đã đem quân đánh Hoa Lư hơn một tháng trời nhưng không thắng phải quay về.

Đình Bộ Lĩnh và con cả là Đình Liễn lại liên kết với sứ quân Trần Lãm ở miền Thái bình. Trần Lãm khi già liền giao quyền cầm quân cho Bộ Lĩnh.

Thế là trong tay cha con họ Đình có cả một vùng rộng lớn (Hà nam ninh, Thái bình ngày nay) và một lực lượng quân đội to lớn. Hai cha con họ Đình đánh đâu thắng đấy, Bộ Lĩnh xưng là Vạn Thắng Vương. Ông

lần lượt tiêu diệt hoặc bắt hàng các sứ quân khác. Thế là loạn Mười hai sứ quân chấm dứt, đất nước ta lại được thống nhất.

Cuộc chiến tranh giữa các chúa phong kiến suốt hai chục năm ròng, đã gây ra biết bao tai họa, đau thương cho nhân dân ta. Đứng bằng Bắc bộ, vốn là một giải thông nhất, đã bị các sứ quân chia cắt thành những mảnh nhỏ.



Bản đồ vùng Hoa Lư

Điều đó đã gây trở ngại lớn cho nhân dân trong việc đắp đê, khơi ngòi để phòng lụt, chống úng hạn. Vì thế, khi Đinh Bộ Lĩnh đứng ra đánh dẹp các sứ quân khác, khôi phục sự thống nhất của đất nước, mọi người đều đồng lòng ủng hộ và ông đã thu được thắng lợi mau chóng.

2. Nhà Đinh xây dựng đất nước

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên làm vua cả nước, xưng là Đại Thắng Đinh Hoàng đế, tức là Đinh

Tiên Hoàng. Ông đặt tên nước là *Đại Cồ Việt* (nước Việt to, lớn), định đô ở Hoa Lư, xây thành, đào hào, dựng cung điện, phong vương cho các con, phong chức tước cho các tướng như Nguyễn Bặc, Lưu Co, Lê Hoàn... Để tỏ ý chí độc lập, ông bỏ không dùng niên hiệu⁽¹⁾ của các hoàng đế Trung hoa và đặt niên hiệu mới là Thái bình với lòng mong mỏi đất nước được hòa bình. Để bảo vệ đất nước, để phòng nạn ngoại xâm và đề bẹp ý muốn nổi dậy cát cứ của các chúa phong kiến, Đinh Tiên Hoàng đã ra sức xây dựng đội quân lớn mạnh gồm hàng chục vạn người. Ông sai đặt vạc dầu lớn ở sân triều, nuôi cạp beo trong chuồng và hạ lệnh rằng kẻ nào phạm tội sẽ bị vớt vào vạc dầu sôi hay vớt vào chuồng cho cạp beo ăn thịt. Bộ máy nhà nước, từ trung ương đến xã, được sắp xếp có quy củ hơn. Tuy nhiên, chánh quyền của nhà Đinh thực ra cũng chỉ mới kiểm soát được chặt chẽ Hoa Lư và các miền lân cận. Đối với các miền xa như châu Ái (Thanh hóa), châu Hoan

(1) Niên hiệu là tên đặt ra của mỗi đời vua để tính năm.

(Nghệ tĩnh), nhà Đinh vẫn phải trao quyền rộng rãi cho các chúa phong kiến địa phương.

Đối với bên ngoài, Đinh Tiên Hoàng nhiều lần sai sứ sang cống lễ vật cho nhà Tống ở Trung quốc để tránh cuộc xâm lược của nhà Tống đối với nước ta⁽¹⁾. Nhà Tống bây giờ còn đang lo hoàn thành việc thống nhất Trung quốc, chưa thể tiến đánh nước ta, đành phải phong chức tước cho Đinh Tiên Hoàng, Đinh Liễn và giữ quan hệ tốt với nước ta.

Về sau, Đinh Tiên Hoàng thường hay rượu chè, trễ nải công việc. Ông lại bỏ con trưởng là Đinh Liễn và định cho con thứ là Hạng Lang nối ngôi vua. Đinh Liễn oán giận, đầu năm 979 Liễn sai người giết Hạng Lang. Đến cuối năm ấy, một viên quan nhỏ đã tiến vào cung giết Đinh Tiên Hoàng và giết luôn cả Đinh Liễn.

Con nhỏ của Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn mới 6 tuổi được lập làm vua.

CÂU HỎI

1. Đinh Bộ Lĩnh là người như thế nào? Vì sao ông đã mau chóng đánh dẹp được các sứ quân, thống nhất đất nước? Việc thống nhất đất nước có ý nghĩa gì?
2. Nhà Đinh đã làm những việc gì để xây dựng đất nước?

(1) Nhà Tống lập ở Trung quốc năm 960.

LÊ HOÀN VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỔNG

1. Cuộc xâm lược của Tống

Nhà Tống bây giờ là một triều đại cường thịnh ở Trung quốc. Nhân lúc tình hình triều Đinh ở ta

rối ren, nhà Tống đã phát quân xâm lược nước ta. Cuối năm 980 quân Tống chia làm 2 đạo, theo hai đường thủy, bộ kéo vào nước ta. Trước đó vua Tống còn đưa thư hăm dọa, dụ hàng, lời lẽ hết sức láo xược⁽¹⁾.

Vua Đinh lúc đó mới 7 tuổi làm sao có thể lãnh đạo nhân dân ta đương đầu với địch. Trước tình thế cấp bách đó, các tướng sĩ cùng nhau suy tôn Lê Hoàn vốn là Thập đạo tướng quân⁽²⁾ lên làm vua để lãnh đạo cuộc kháng chiến giữ nước. Bà Thái hậu, mẹ Đinh Toàn sai người lấy áo long côn (áo thêu rồng của vua) mặc cho Lê Hoàn và mời ông lên làm vua.

2. Đánh thắng quân xâm lược Tống

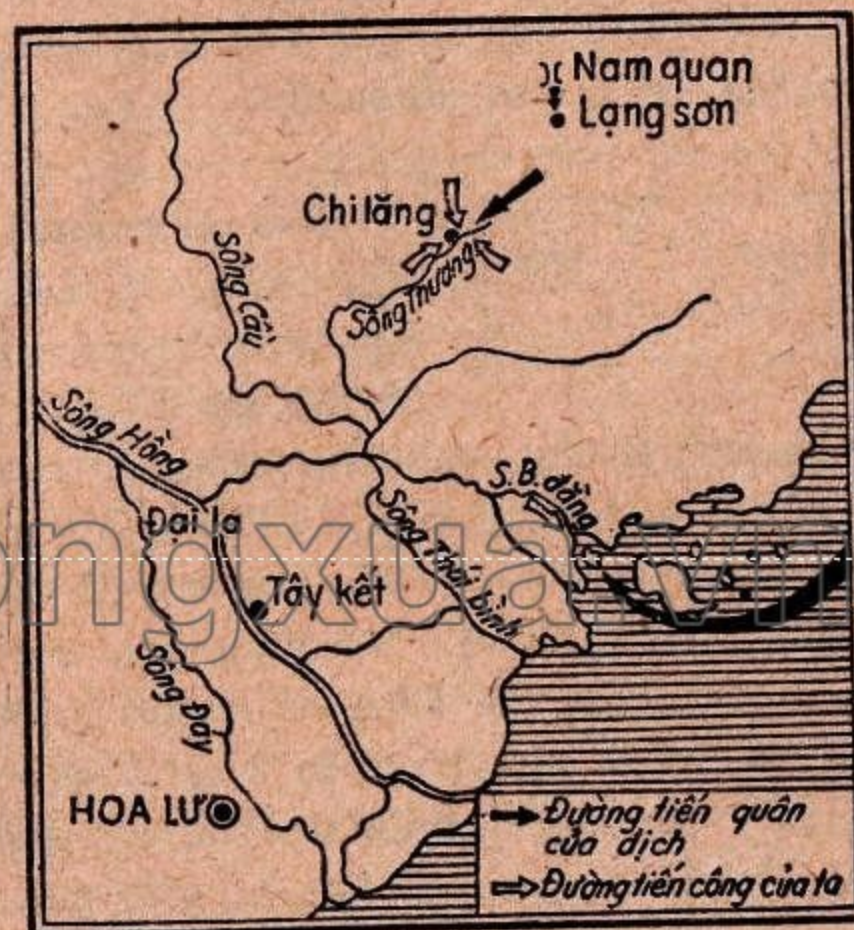
Lê Hoàn là người cương nghị, bình tĩnh và rất mưu trí. Trước sự đe dọa thách thức của kẻ địch

manh, Lê Hoàn một mặt tìm cách hoãn binh, mặt khác

(1) Trong thư có những câu như : « Ta đương chinh bị xe ngựa quân lính, sắp sửa các thứ chiêng trống, nếu quy phục thì ta tha cho, nếu trái mệnh thì ta quyết đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự người nghĩ lấy ».

(2) Tống chỉ huy quân đội.

tích cực chuẩn bị chiến đấu. Theo kế của Ngô Quyền, ông cho đóng cọc trên sông Bạch đằng để chặn đánh thuyền địch. Ông lại cho quân mai phục ở Chi lăng, Lạng sơn (Cao lạng) để chặn đánh địch ở trên bộ. Tháng 4 năm 981 thuyền giặc tiến vào sông Bạch đằng, bị ta chặn đánh



Quân ta đánh quân xâm lược nhà Tống

kịch liệt, lại bị những hàng cọc chắn ngang sông cản lại. Đại tướng của giặc là Hâu Nhân Bảo, theo đường Lạng sơn tiến xuống Chi lăng cũng bị phục binh của ta chặn đánh. Quân giặc, trên cả hai đường thủy bộ, đều bị nghẽn lối, tinh thần lại bạc nhược, không dám tiếp viện cho nhau. Tướng chỉ huy Hâu Nhân Bảo, bị giết, nhiều

tướng khác bị bắt sống. Quân Tống thua to, thầy phoir
đẩy đồng, nhiều tên bị bắt. Tàn quân Tống, không đợi
lệnh vua, đã vội vã rút lui. Cuộc kháng chiến của ta đã
hoàn toàn thắng lợi. Đánh thắng quân xâm lược Tống
năm 981, nhân dân ta đã ghi thêm một chiến công rực
rỡ trong lịch sử chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.
Nhân dân ta càng tự hào và tin tưởng ở sức mạnh
đoàn kết chống ngoại xâm của mình.

3. Nhà Tiền Lê⁽¹⁾ xây dựng đất nước

Phá được quân Tống
xâm lược rồi, Lê Hoàn
tìm mọi cách để củng cố
nền độc lập. Đối với phong

kiến phương Bắc, bên ngoài nhà vua vẫn chịu nộp cống
để giữ quan hệ hòa hảo, nhưng vẫn kiên quyết giữ gìn
nền độc lập. Đối với phương Nam nhà vua đã tìm cách
đập tan những âm mưu và hành động xâm lược của
Chiêm thành. Nhà vua vẫn đóng đô ở Hoa lư, phong
vương cho các con và chia đất miền đồng bằng cho các
con cai trị, Lê Hoàn cũng chăm lo tổ chức một quân đội
vững mạnh : bộ binh có cung nỏ, mộc, giáo mác, thủy
binh có nhiều chiến thuyền lớn. Tuy vậy chính quyền
trung ương của nhà Lê chưa thật là vững mạnh. Nhiều
hào trưởng địa phương và tù trưởng các dân tộc thiểu
số vẫn chưa chịu thần phục triều đình trung ương. Lê
Hoàn đã phải tổ chức nhiều cuộc hành quân để trấn áp
họ. Nhà Lê bắt đầu ban hành một số luật để ổn định trật

(1) Tiền Lê là chỉ nhà Lê do Lê Hoàn lập nên, khác với Hậu
Lê là chỉ nhà Lê do Lê Lợi lập nên sau này, ở thế kỷ XV.

tự xã hội. Bộ máy chính quyền các cấp cũng được xây
dựng và củng cố.

Năm 1005, Lê Hoàn mất. Các con vua tranh ngôi,
đem quân đánh lẫn nhau. Cuối cùng, Lê Long Đinh giành
được ngôi vua (1006). Long Đinh nổi tiếng là tàn ác.
Sư sãi là lớp người có uy tín, có quyền lực lớn thời bấy
giờ, thế mà Long Đinh thường sai người róc mĩa trên
đầu sư Quách Ngang⁽¹⁾ rồi giả vờ lỡ tay, bắm cả dao vào
đầu sư để ngồi cười. Trong các cuộc đàn áp, Long Đinh
bắt tù binh nhốt vào cũi rồi đột chết hay đem bỏ ở bờ
biển cho nước ngập dần mà chết. Long Đinh say sưa
rượu chè, chơi bời vô độ, lại mắc bệnh trĩ, khi coi cháu
chỉ nằm dài, vì vậy, sư cũ gọi là « Lê ngoại triều »⁽²⁾. Từ
nhân dân cho đến sư sãi, quan lại trong triều, ai nấy đều
đã chán ghét nhà Lê. Cuối năm 1009, Long Đinh chết.
Phái sư sãi và quan lại có thế lực ở trong triều đã tôn
Lý Công Uẩn, người chỉ huy quân đội ở triều đình, lên
làm vua và lập ra một triều đại mới.

CÂU HỎI

1. Lợi dụng cơ hội nào nhà Tống định xâm lược nước ta ?
Quân Tống theo những đường nào để sang đánh nước ta ?
2. Lê Hoàn đã vạch kế hoạch chống Tống như thế nào ? Kết
quả của cuộc kháng chiến ra sao ?
3. Nhà Lê đã làm những việc gì để giữ vững và củng cố độc
lập của đất nước ?

(1) Sư Quách Ngang được phong chức tăng thống là chức vụ
cao nhất trong hàng sư sãi.

(2) Lê ngoại triều : Vua Lê chỉ nằm mà coi cháu.

TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA NƯỚC TA THỜI NGÔ, ĐINH, TIỀN LÊ

1. Xã hội đang trên đà phát triển

Xã hội Việt nam thời Ngô, Đinh, Tiền Lê là một xã hội phong kiến đang trên đà phát triển. Ruộng

đất trong nước phần lớn là ruộng công, về danh nghĩa đều là của vua («Đất của vua, chùa của làng»). Nhà vua đã đem nhiều ruộng công ban cho con cái, quan lại và nhà chùa. Những người được ban cấp ruộng đất này đã trở thành những *chúa đất phong kiến*, có ấp trại rộng hàng nghìn mẫu. Nhân dân có nhiều hạng người: *Nông dân cày ruộng công* của các làng xã, nộp tô cho vua, đi phu, đi lính cho vua. Vua và các chúa phong kiến có nhiều *nô tỳ* là hạng đầy tớ dùng để sai bảo việc nhà và làm các công việc khác, kể cả việc sản xuất. Đời sống của nô tỳ vô cùng khổ cực.

Nước Đại Cồ Việt đã có một chính quyền trung ương cai trị cả nước gồm có vua và các quan văn võ. Nhưng chính quyền trung ương vẫn chưa thật vững chắc. Bọn chúa phong kiến ở địa phương có đất, có dân, có quân đội riêng vẫn không muốn chịu sự ràng buộc chặt chẽ của triều đình trung ương. Do đó có tình trạng Mười hai sứ quân làm loạn ở thời Ngô, nhiều chúa đất và quan lại địa phương làm loạn ở thời Đinh, Tiền Lê.

2. Kinh tế bước đầu phát triển

Nhìn chung sau khi ách thống trị nước ngoài đã bị lật đổ, nhân dân thoát được một tầng áp bức, bóc lột, tô thuế được giảm nhẹ, nên đời sống có phần dễ chịu hơn trước. Các ngành kinh tế đều được phát triển. Nhà Tiền Lê cho đào và nạo vét nhiều kênh ngòi cho thuyền bè đi lại và dẫn nước vào ruộng. Sứ chép năm 987 cả nước được mùa lớn. Nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, được mở mang. Nhà nước có các xưởng đúc tiền, rèn vũ khí, may mặc quần áo cho vua quan. Cung điện chùa chiền được xây dựng nhiều, ngành kiến trúc vì vậy khá phát triển. Đường giao thông thủy, bộ nối liền các miền trong nước cũng được chú ý sửa sang. Vua Lê sai đóng thuyền đậu trên các bến sông lớn để chở người qua lại. Dọc đường bộ có dựng nhà trạm để chuyển chiếu lệnh⁽¹⁾ thư từ đi các nơi. Việc mua bán cũng khá phát đạt. Vua Đinh và vua Lê đều sai đúc tiền đồng để tiêu dùng trong nước. Thuyền buôn các nước vẫn qua lại nước ta. Năm 976 thuyền buôn các nước tới dâng nhiều hàng hóa cho vua Đinh. Nhân dân miền biên giới Việt Trung thường qua lại buôn bán với nhau.

3. Đời sống văn hóa

Trong thời gian này, tình hình trong nước chưa ổn định, hay có chiến tranh, cho nên nghề võ được trọng hơn nghề văn. Vua chúa đều là võ tướng. Việc học hành thi cử ở trong nước chưa được tổ chức. Số người trong nước

(1) Mệnh lệnh của vua.

biết chữ Hán, phần lớn, là *nhà sư*. Sư được vua trọng đãi, được phong cấp bậc và được coi như quan lại trong triều. Những việc lớn trong nước như chông ngoại xâm, vua đều hỏi ý kiến các sư. Việc đón tiếp sứ giả nước ngoài cũng nhờ cậy vào sư. Nước ta bây giờ đang xây dựng chữ viết riêng. Văn học dân gian truyền miệng gồm tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích . . . và những hình thức sinh hoạt văn hóa như đua thuyền, ca hát, nhảy múa, xiếc . . . tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Lê Hoàn khi mời rượu tiếp sứ nhà Tống đã hát bài hát lời Việt. Bà Phạm Thị Trân múa hát giỏi, đã được vua Đinh phong chức *Uu bà* để dạy múa hát cho quân đội. Nghệ thuật sân khấu (chèo) dần dần hình thành.

Tóm lại, dưới các triều vua Ngô, Đinh, Tiền Lê tình hình trong nước tuy chưa thật ổn định nhưng đời sống nhân dân đã khá hơn trước, các ngành kinh tế cũng bước đầu phát triển. Nước Đại Cồ Việt sau khi chông ngoại xâm thắng lợi đang tiến lên thành một nước mạnh ở miền Đông-Nam Á.

CÂU HỎI

1. Xã hội ta thời Ngô, Đinh, Tiền Lê có mấy hạng người? Nông dân, nô tỳ là những người như thế nào?
2. Em hãy nêu một vài sự việc chứng tỏ sự phát triển của kinh tế lúc này?
3. Đời sống văn hóa thời Ngô, Đinh, Tiền Lê có những nét gì đặc sắc? Vai trò và địa vị của các nhà sư thế nào?

NHÌN LẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ ĐẦU ĐẾN THẾ KỶ X

Chúng ta đã vượt qua một chặng dài trên đường tìm hiểu quá khứ của Tổ quốc ta từ nguồn gốc đến thế kỷ X.

Giờ đây, nhìn lại chặng đường đã vượt qua, chúng ta có thể vui sướng vì đã thu lượm được những hiểu biết chính dưới đây :

**1. Đất nước Việt nam
bốn mùa tươi đẹp,
nhân dân Việt nam
dũng cảm đấu tranh**

Nước ta có rừng vàng biển bạc, đất phì nhiêu. Nhưng thiên nhiên Việt nam cũng có nhiều mặt không thuận lợi : Bão lụt, và hạn hán thường xuyên

đe dọa đời sống nhân dân. Để làm chủ và làm ăn, nhân dân ta phải thường xuyên *cải tạo thiên nhiên*, đắp đê, khơi ngòi, chông lụt, chông hạn . . . đang phát triển sản xuất.

Việt nam có một vị trí địa lý *thuận lợi* là « ngã tư đường » của các luồng trao đổi kinh tế, văn hóa, nơi gặp gỡ của nhiều dân tộc. Nhưng cũng là nơi dễ bị đe dọa bởi nạn xâm lăng của các nước phong kiến láng giềng. Để làm chủ và làm ăn, từ thời dựng nước, nhân dân ta đã phải *chông ngoại xâm* liên tục.

Chiến đấu để cải tạo thiên nhiên, chiến đấu chông ngoại xâm để bảo vệ đất nước đã rèn dũa cho dân tộc ta

những đức tính quý báu như : *kiên trì, nhẫn nại, quật cường, bất khuất và đoàn kết một lòng.*

2. Đất nước Việt nam có một lịch sử lâu đời

Di cốt người vượn và những đồ đá cũ tìm thấy ở nước ta chứng tỏ rằng nước Việt nam ở vào

khu vực quê hương của loài người.

Từ cuộc sông hái lượm và đi săn, cách đây khoảng 1 vạn năm, tổ tiên chúng ta đã biết *trồng* cây ăn quả, cây có củ, rau dưa, bầu bí ... và *chăn nuôi* chó, heo ...

Cuộc sông mở rộng dần từ vùng núi và vùng ven biển đến vùng đồng bằng (*còn lăm rừng rậm, đầm lầy*). Tổ tiên ta đã dần dần cải tạo cây lúa hoang mọc ở đầm lầy thành cây lúa trồng. Việt nam là một *quê hương của cây lúa và nghề trồng lúa.*

3. Buổi đầu dựng nước và giữ nước

Cách đây khoảng bốn ngàn năm, các vua Hùng dựng nước Văn lang, xây dựng nền tảng xã hội, văn

hóa cho đất nước, cho dân tộc. Thời đại Hùng Vương là thời kỳ bắt đầu dựng nước và giữ nước của lịch sử Việt nam. Năm 1954 nhân dịp ghé thăm đến Hùng ở Vĩnh phú, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã nói : « Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước ».

An Dương Vương Thục Phán dựng nước Âu lạc. Âu lạc là sự tiếp tục của Văn lang trên một mức cao

hơn ; miền xuôi thông nhất với miền núi, Lạc Việt thông nhất với Âu Việt. Âu lạc là một quốc gia mạnh, đã đánh Tần, đuổi Triệu thắng lợi.

Về cuối đời mình, An Dương Vương đặt tình nhà lên trên nghĩa nước, mắc mưu xảo quyết của Triệu Đà nên nước mất, nhà tan.

4. Một nghìn năm, đấu tranh giành độc lập và thắng lợi vẻ vang

Nước Âu lạc bị mất, nhưng người dân Việt đã từng xây thành, chề nỏ, đánh Tần ... không chịu khuất phục trước ách đô

hộ của bọn xâm lược.

Triệu rồi Hán, Ngô rồi Lương, Tùy rồi Đường, các triều đại phong kiến phương Bắc ra sức xóa bỏ tên nước ta trên bản đồ thế giới, biến nước ta thành quận huyện của nước ngoài — Giao chỉ rồi An nam. Chúng bóc lột ráo riết nhân dân ta, bằng công phẩm, bằng tô thuế. Chúng có chủ trương, có tổ chức, có lực lượng để mưu đồ đồng hóa nhân dân ta.

Nhưng người Việt phương nam đã từ lâu lập nước, đã từ lâu có lối sông riêng, có phong tục tập quán riêng. Người Việt không chịu cúi đầu làm nô lệ cho phong kiến xâm lược nước ngoài.

Bị áp bức bóc lột ghê gớm, nhưng nhân dân ta vẫn liên tiếp vùng dậy. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa oanh liệt, có tính chất nhân dân rộng rãi của Hai Bà Trưng đã từng giành được thắng lợi trong cả nước. Tiếp đó là các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc dưới

sự lãnh đạo của Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng . . . Trong đấu tranh, lực lượng dân tộc ta về mọi mặt — chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự . . . đều trưởng thành. Trưởng thành trong việc phát huy vốn cũ tinh hoa dân tộc, trưởng thành trong việc học hỏi, vận dụng, hấp thụ cái hay của nước ngoài, biến thành cái vốn của chính mình.

Thế kỷ X đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Với họ Khúc, họ Dương, họ Ngô cuộc đấu tranh liên tục và bền bỉ của nhân dân ta vì độc lập tự do đã đạt kết quả vẻ vang, kết thúc thời kỳ thông trị hà khắc và nguy hiểm của phong kiến nước ngoài. Chiến thắng Bạch đằng cuối năm 938 rửa sạch tanh nhơ hơn ngàn năm thuộc Bắc. Một thời kỳ độc lập lâu dài của dân tộc bắt đầu. Những triều đại độc lập đầu tiên: Ngô, Đinh, Tiền Lê đã ra sức giữ vững độc lập xây dựng đất nước, đưa nước Việt ta vào kỷ nguyên phát triển huy hoàng về mọi mặt.

MỤC LỤC

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

— Vài điều sơ lược về môn lịch sử	(1 tiết)	3
— Cách tính niên đại trong lịch sử	(1 tiết)	6
— Đất nước và nhân dân Việt nam	(1 tiết)	11

Chương thứ nhất

BÌNH MINH CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM

— Việt nam thời thơ ấu	(1 tiết)	16
— Xã hội thị tộc nguyên thủy ở Việt nam	(1 tiết)	20

Chương thứ hai

BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

— Các vua Hùng dựng nước Văn lang	(1 tiết)	26
— An Dương Vương lập nước Âu lạc	(1 tiết)	32
— Âu lạc từ thế kỷ II trước công nguyên đến trước khởi nghĩa Hai Bà Trưng	(1 tiết)	35
— Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40—43)	(1 tiết)	39

**ÂU LẠC TỪ SAU KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG
ĐẾN KHỞI NGHĨA LÝ BÍ (thế kỷ I—VI)**

— Âu lạc từ sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng đến trước khởi nghĩa Lý Bí (thế kỷ I—thế kỷ VI)	(2 tiết)	43
— Phong trào đấu tranh của nhân dân ta từ thế kỷ I đến thế kỷ VI	(1 tiết)	50
— Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn xuân	(1 tiết)	54
— Cuộc kháng chiến giữ nước của nhân dân Vạn xuân	(1 tiết)	57

Chương thứ tư

**ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP
TRONG CÁC THẾ KỶ VII—X**

— Nước Vạn xuân từ thế kỷ VII đến thế kỷ X	(1 tiết)	61
— Bốn cuộc khởi nghĩa lớn của nhân dân ta trong các thế kỷ VII—IX	(3 tiết)	65
— Cuộc vận động tự chủ của họ Khúc và Dương Đình Nghệ	(1 tiết)	71
— Ngô Quyền và chiến thắng Bạch đằng	(1 tiết)	73

Chương thứ năm

**NƯỚC TA TRONG BUỔI ĐẦU THỜI KỶ GIÀNH
LẠI ĐƯỢC ĐỘC LẬP**

— Nhà Ngô và Mười hai sứ quân	(1 tiết)	77
— Đinh Bộ Lĩnh và sự thống nhất đất nước	(1 tiết)	80
— Lê Hoàn và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống	(1 tiết)	84
— Tình hình kinh tế, xã hội và văn hóa nước ta thời Ngô, Đinh, Tiền Lê	(1 tiết)	88
— Nhìn lại lịch sử Việt nam từ đầu đến thế kỷ X	(2 tiết)	91

LỊCH SỬ
LỚP SÂU PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

In 100.000 cuốn
khổ 14,5x20,5 cm

tại nhà in **LIÊN PHÁT**
56 đường Tân Hưng, Q.5
Thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong tháng 04 - 1977
nộp lưu chiều tháng 4-1977

GIÁ 0,28đ